

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 3 (Phần cuối)

Tiếp theo là “Từ đây v.v...” trở xuống là giải thích về văn, gồm có:

- Đối phán chia văn, có hai:

Một là đối phán: Nói về lực dụng của kinh chỉ có cả ba phẩm. “Từ phẩm này v.v...” trở xuống là dùng phẩm này đối với phẩm Tán Thán để nói về chê bai và chánh pháp.

Hai là “Phẩm này v.v...” trở xuống là phân văn.

Kế là “Mộng v.v...” trở xuống là y theo văn đề giải thích về nghĩa, lại có:

- Nói về sự thấy nghe trong mộng, có hai:

- Mộng thấy trống vắng, có hai:

Một là giải thích về mộng: Sự giải thích ở trước ở trong số nói về Bồ-tát Tín Tướng ở tự vị của ngài, hoặc là tự của lân cực, hoặc tự của lân chân: ở vị trí ấy mà mộng thấy trống vắng thì lẽ nào lại là giấc mộng mê mờ tăm tối của Bát địa ư? Cho nên dùng hai nghĩa để giải thích chữ mộng. Đầu tiên gọi là Tam-muội được gọi là như mộng. Do đạt được tính cụ, tu đức không công, nhân biện quả sự, như mộng thân cố gắng, cho nên gọi là Như mộng Tam-muội. Kế là “Lại nhập vào v.v...” trở xuống là lấy sự có mộng có tính của người phàm để dụ cho phép quán, pháp quán có vào có ra, đó là lấy sự nói và im lặng mà làm sự ra vào. Cả hai sự giải thích đều chỉ bày rằng mộng là trí quán. Đầu tiên là giải thích hơi hần.

Hỏi: Mộng là pháp điên đảo, tăm tối đối với chân. Quán là pháp trí của giải thích? Mê mờ và hiểu biết khác nhau như trời vực, làm sao dung hội được? Phật địa hết mê, phàm phu chưa liễu giải, cả hai đều không nói về quán. Đối với mê được sự giải gọi là quán trì. Vì thế, luận Khởi Tín nói: Vì y theo nghiệp thức mới nói là thấy Phật. Nếu lìa nghiệp thức thì không được thấy”. Nay vì nói về sự giải ngộ của tự

chiếu soi pháp tánh nên gọi là nhập quán, y theo nghiệp thức nên nói quán là mộng. Chưa đạt đến điểm cùng cực của trí giải thì sao lại không mộng. Mộng của chiếu soi pháp tánh lẽ nào lại chẳng phải là quán trí. Nếu không nắm được ý ấy thì không thể tiêu giải được đoạn văn này.

Hai là “Như pháp tánh chính là v.v...” trở xuống là giải thích về cái trống, có hai:

Một là trực tiếp biểu thị về ba đức: Trí thuộc chủ thể quán dùng mộng để chỉ bày về mộng thì chắc chắn là thấy tướng. Vì vậy, dùng trống vàng để biểu thị cho cái được quán, tức là pháp tánh. Vì thể của cái trống có tiếng kêu của không thuộc viên, nên có thể biểu thị cho ba thứ đức. Hình dáng của trống đẹp và to nên lại hiển bày cho tính chất sâu xa vô lượng của ba đức.

Kế là “Đẹp và lớn v.v....” trở xuống là cả ba đức đều sâu xa. Vì mỗi đức trong ba đức đều là toàn thể của Pháp tánh. Nêu lên một đức là đều có đủ hai thứ kia, được gọi là ba thân, ba trí và ba giải thoát. Nếu không như vậy thì làm sao có thể nói rằng cả ba loại đều là vô lượng sâu xa.

Kế là “Đây v.v....” trở xuống là kết sự chỉ bày: Tức là ba đức của cái trống đối với ánh sáng thì chỉ là pháp thân được chiếu soi. Ngay cả pháp thân này thâm nhiếp cả Báo và Ứng là ba đức ở trên, cho nên nói “Quán một mà thấy ba Đức Phật”.

Tiếp theo là “Từ v.v...” trở xuống là thấy ánh sáng của trống: Toàn bộ lý thuộc về đối tượng được chiếu soi khởi các trí thuộc về chủ thể chiếu soi. Vì vậy, đức của pháp tánh đều trở thành đức của trí. Vậy lẽ nào đặc tính tròn, không, tiếng kêu và ánh sáng của trống lại chẳng giống như vậy ư? Ba đặc tính của trống là đẹp, lớn và ánh sáng cũng giống như vậy. Chúng ta nên nhớ rằng thể của pháp tánh là bốn giác, trí là thỉ giác. Chỉ là một thứ giác nhưng do Bất giác nên chia ra Bốn và Thỉ khác nhau. Đã thành tựu quả lớn, tức là đã lìa bất giác. Vì vậy, Thỉ thâm hợp với Bốn gọi là Pháp Báo hợp nhất. Vậy, lẽ nào Thỉ giác lại khác đối với Bốn? “Bản mới được dẫn có cùng Thể, có cùng ý và có cùng sự”: Vì Pháp Báo đã hợp nên không hai không khác đối với chư Phật. “Đây tức v.v...” trở xuống là thấy được ánh sáng của trống chính là biểu thị cho trì của Báo. Trì này thâm hợp với Pháp. Vì pháp có đủ cả ba nên báo cũng là ba. Cũng là báo này trên thì thâm hợp với pháp, dưới thì rữ Ứng. Vì vậy mà nói “Có đủ cả ba”.

Kế là “Lại nữa, đối với v.v...” trở xuống là thấy Đức Phật ở trong ánh sáng, có hai:

Một là y theo Văn để biểu thị về nghĩa. Nói “Ánh sáng từ v.v...” tức là đối với hai thân ở trên, đây là biểu thị có cả Ứng. Cho nên Đại sư nói “Giống về Sự” Ứng không đứng một mình, chắc chắn có đủ cả ba thứ thân. “Lưu ly v.v...” trở xuống là Pháp. “Tòa ngòai của Phật v.v...” trở xuống là Báo. “Đại chúng..” trở xuống là Ứng.

Hai là “Đây tức là v.v...” trở xuống là kết nghĩa về Viên, có hai:

Một là kết riêng về ba điều này: Vì toàn bộ pháp và Báo là Ứng thân. Vì thế, văn kinh biểu thị đủ cả ba vị Phật.

Hai là “Nhìn thấy v.v...” trở xuống là kết chung về nghĩa trên: Nói “Ba vị Phật”: Tức là cái trống biểu thị cho pháp Phật. Cả ba vị Phật đều có đủ cả ba nghĩa. Tức là pháp nào, cũng có đủ ba. Lược thì mười thứ ba pháp, đầy đủ thì tất cả đều là ba. Các pháp này thuận với sự giải thích về thí dụ. Như vậy thì Kim Quang Minh của thế gian là cái để ví dụ cho ba pháp. Nếu đứng trên văn phụ kèm thì nên giải thích về thể đều là Pháp Kim Quang Minh. Vì mỗi loại đều có đủ cả ba là nghĩa của đáng quý, đáng trọng, vắng lặng mà thường chiếu soi, nghĩa của nhiều lợi ích. Vì nghĩa đã như vậy nên kinh này có tên là Kim Quang Minh. Nghĩa được biểu thị ở đây là do Đại sư đạt được Triền Tổng trì. Trong cái một mà giải ngộ được vô lượng, trong vô lượng mà giải ngộ được một. Vì lẽ đó mà sự giải thích, phải tiêu giải văn mới viên dung đến thế. Mong rằng kẻ thấy người nghe nên dứt bỏ, sự chấp đắm của tình thức để suy nghĩ, tu tập.

Kế là “Thấy có v.v...” trở xuống là mộng thấy đánh trống, gồm có:

Một là Phân văn.

Hai là Phát ra âm thanh lớn.

Ba là “Âm thanh của cái trống v.v...” trở xuống là sự giải thích do âm thanh, có hai:

Một là “Cái trống là v.v...” trở xuống là nói về tự trí hội Pháp khởi dụng: Cái trống nói trên biểu thị cho ba thứ ánh sáng, ba vị Phật v.v... ba chỉ là một. Ba của nay là đối tượng được quán của Trí thuộc về cơ của Trí tướng, hợp ba là một, chỉ gọi là pháp thân. Bà-la-môn biểu trưng cho Tịnh hạnh thuộc Chân và Tự. Vì thế Lân chân nên kinh gọi là Tự. Vì Tự của viên có khả năng chế phục hoặc nhiệm của Đồng thể nên gọi là Tịnh trí. Lấy tịnh trí ấy hội nhập với Thường lý tức là do vị cam lồ và Tương tự tương ưng, có thể dùng âm thanh mâu nhiệm làm cho hiện hữu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Vì diệt khổ sinh lạc nên khiến cho văn kinh lấy hình ảnh đánh trống để biểu thị cho ba thân của Tự vị.

Nếu không như vậy thì bản tánh của Tín Tướng và Phật tuyệt đối khác nhau, Ứng dụng của Phật chẳng phải là cảm của Tín Tướng. Hành giả nên rõ biết Thích-ca và Tín Tướng cùng hưng khởi giấc mộng này. Cho nên có sám pháp làm lợi ích cho chúng sinh.

Hai là “Trống là v.v...” trở xuống là nói về dùi trống và trống hợp thành ba thứ thân.

Kế là Từ “Thời v.v....” trở xuống là giác ngộ rồi nói về thấy nghe, có hai:

Một là chia văn.

Hai là “Lúc bấy giờ, Tín Tướng v.v...” trở xuống là tùy thích, như sau:

- Đến chỗ Phật, có hai:

- Giải thích giấc mộng: Lại gồm có hai:

- Theo giáo để giải thích: Số có hai cách giải thích:

Một là y theo nhập quán và xuất quán: Đây là đứng trên pháp để giải thích theo chiều ngang. Kế là y theo chế phục hoặc và dứt trừ hoặc: đây là y theo giai vị để giải thích theo chiều dọc. Vì nhập quán vốn để mong cầu bước lên các địa, dứt hoặc, cho nên chúng ta biết rằng ý của hai cách giải thích ấy đều cần nhau. Nói “ba mươi tâm” tức là dùng Biệt để làm rõ Viên.

Hai là giải thích về quán: Nói “Quán hạnh vị” tức là đối Phần Chân tức năm Phẩm, Thập tín đều gọi là Quán hạnh. Vì chưa chứng Chân và Tự, mà được gọi là quán, pháp thụy miên của Vô minh thuộc vị trí nội và ngoại phẩm hoàn toàn chưa phá. Cho nên quán ba thứ thân như cái được thấy ở trong mộng. Vị trí chân đã phân phá, đã rõ biết đối với Lý. Vì vậy, quán ba thân như trời đã sáng: “Ra khỏi nhà của vua, v.v...” Ở giai đoạn nhân chưa lìa năm ấm thuộc biến dịch như đang ở tại nhà của vua. Nay đã ra khỏi ngôi nhà đó là biểu thị sẽ đến quả. Đã nói về pháp quán có nhập Phần Chân và phần cực quả nên dự đoán biểu thị về nó.

Kế là “Đến kỳ v.v...” trở xuống là giải thích, đi đến: Vương thành và Linh Thứu tuy đều là đất, nhưng vì núi là chỗ cư trú của Phật nên biểu thị cho giai đoạn quả; Tín Tướng ở tại thành hợp với sự biểu thị cho giai đoạn nhân. Nay vì đi đến để biểu thị cho nhân hưởng về quả.

Kế là “Lúc bấy giờ v.v...” trở xuống là chung với duyên.

Tiếp đến là bày tỏ sự cung kính: “Tín đầu là quý”: Nhờ Tín mà được nhập vào biển cả Phật pháp. Tín là nhân, người. Vì trên cầu nên như cái đầu là đáng quý nhất. “Từ bi là thấp hèn”: Nhổ gốc khổ ban

cho niềm vui là hạ hóa của quả, người, cho nên như hai chân là thấp hèn. “Lấy quý tôn kính thấp hèn”: Tức là lấy tín để giằng lấy Từ. Trong kinh, lúc lạy xong đi nhiều theo chiều bên phải là nói lên sự lưu luyến, kính mến.

Kế là từ “Lấy...” trở xuống là nói về mộng, có hai:

Một là chia văn, “Đều nói là hành giả”: Người xưa lấy mười bảy chữ thuộc Tán thuyết làm hành. Kệ tụng có hai v.v... bốn, năm lời thì bốn câu là một bài. Bảy lời thì hai câu là một bài. Bởi vì các sư ngày xưa lúc chia kinh đều lấy số hàng làm chuẩn. Đời nay vì biến loạn nên khiến cho chế độ thêm bớt số chữ bị mất khuôn phép ban đầu. Lẽ nào vì bản số xưa chia kinh có trôi sụt rồi cũng làm cho mục lục, số trang không có chuẩn mực hay sao? Tôi gửi lời đến bậc có hiểu biết rằng y cứ và chế định của người xưa. Hai v.v... trở xuống là giải thích về nghĩa, như sau:

- Nói chung về mộng: lại có:

- Thấy cái trống vàng: có ba:

Một là thấy hình trạng của trống.

Hai là “Ánh sáng của nó v.v...” trở xuống là thấy ánh sáng của trống.

Ba là “lại, nhân v.v...” trở xuống là thấy Đức Phật ở trong ánh sáng.

Cả ba phần này đều là ý của ba thân được nói lên bởi văn xuôi. Vì trống tuy có đủ cả ba nhưng đều là cái được chứng nên hợp thành pháp thân. Vì ánh sáng có đủ ba của trống, toàn lý là trí nên hợp thành báo thân. Cảnh và trí cùng sự nhiếp cơ của chư Phật cũng có đủ ba thứ thân gọi là Ứng. Ở đây hợp với chín và ba, tức là như cảnh được quán của Tam-muội như mộng. Tam-muội là quán.

Kế là “Thấy bà v.v...” trở xuống là nói về đánh trống: Ba của hợp chín do văn ở trên biểu thị tuy là Phật pháp. Nhưng vì đã cùng với pháp của tâm và pháp của chúng sinh không có sự khác nhau nên là cảnh thuộc tâm tánh của Tín Tướng. Nay ở trong mộng đã thấy Tự trí của mình hội với Pháp thân của Tánh khởi sự Ứng với căn cơ dùng để nói kệ sám hối. Đây là Tín Tướng cùng với Như Lai khởi sinh lực dụng của kinh.

Kế nữa là “từ đó...” trở xuống là nói riêng về mộng, gồm có:

- Nói về trống vàng có năng lực dứt ác, sinh thiện, có:

- Chia riêng kinh, lại có:

Một là diệt trừ nhân quả khổ của thế gian: Hai bài trước là diệt trừ

quả. “Các loại Hữu”: tức là ba hữu. Một bài sau là diệt trừ nhân. “Các loại não”: tức là ba thứ hoặc.

Hai là “Dứt trừ chúng.. “ trở xuống là sinh ra nhân quả vui xuất thế gian: Hai bài trước là quả xuất thế gian. “Dứt trừ sợ hãi của mọi người”: Tức là lia năm việc sợ hãi. Đó là sự sợ hãi thuộc đường ác, sự sợ hãi thuộc tên gọi ác, sự sợ hãi của cái chết, sự sợ hãi vì không có kế sống, sự sợ hãi vì uy đức của đại chúng. Đạt được vô sở úy có bốn.

Một là Vô sở úy thuộc Nhất thiết trí.

Hai là Vô sở úy thuộc lậu tận.

Ba là Vô sở úy thuộc thuyết chướng đạo.

Bốn là Vô sở úy thuộc thuyết tận khổ đạo.

Lìa bờ này của hai hình thái chết, đến bờ kia của ba thứ trí. Một bài sau là nhân xuất thế gian. Định tức là Lăng-nghiêm. Loại định này có cả tuệ, tức là chánh đạo hạnh của quán cảnh chẳng thể nghĩ bàn v.v... giúp đạo tức là đối trị hạnh thuộc Độ và thuộc Sự.

Kế là “Cái trống ấy v.v...” trở xuống là có công năng khiến cho chúng sinh tự và tha đều đầy đủ. Một bài rưỡi trước là sự đầy đủ của tự tu hành. Hai bài rưỡi sau là sự đầy đủ của giáo hóa người khác. “Hai phiền não là phá nhân, “dứt khổ” là phá quả. Hai câu dưới là giải thích trên. “Tham sân, si” là giải thích một chữ Đẳng của phiền não ở trên. “Tất cả các khổ đều khiến cho được vắng lặng”, đó là chính thật giải thích về nghĩa năng hại, tiêu trừ ở trên.

Kế đến là “Nếu có...” trở xuống là có công năng dứt trừ chướng nạn của quả báo và kiêm luôn cả sự đạt được Túc mạng. Vì giới thứ thả nên ở tại địa ngục. Vì Thừa cấp bách nên nghe tiếng trống vàng. Không chỉ ra khỏi ngục gồm cả túc mạng, ngàn, muôn, ức sinh thiện biết được việc ấy. Vì thế, nhờ nghĩ chân chánh về chư Phật, lại nghe pháp âm viên mãn mãn nhiệm của chư Phật.

Kế là “Vàng này...” trở xuống là có công năng khiến cho chúng sinh đạt được các pháp môn. “Trước là đạt được ít”: lại y theo một loại pháp lia ác tu thiện. “Sau là đạt được nhiều”: Tùy suy tư, tùy nguyện ước, tất cả đều khiến cho được thành tựu.

Tiếp là “Nếu có v.v...” trở xuống là có năng lực phá tám nạn trôi lăn của chúng sinh. Tức là kinh nói rằng “Các nạn”.

Tám nạn: ba đường gồm có ba. Trong cõi người có bốn.

Một là mù, điếc, câm, ngọng.

Hai là thế trí biện thông.

Ba là trước Phật sau Phật.

Bốn là Bắc châu. Trên trời có một, đó là Vô tướng, hoặc trời Trường thọ.

Kế là “Giải thích điều này v.v...” trở xuống là chỉ bày chung về nghĩa: Kinh chỉ ra sáu đoạn văn. Tuy lợi ích có bao gồm hiện diện khắp nơi nhưng lời lẽ vẫn còn chung, sơ lược nên khó giải thích cho đầy đủ. Vì vậy, Đại sư khuyên người giải thích nên y theo sáu đoạn văn này để nói rõ từng phần. Từ khổ mà được vui, lậu đạt được vô lậu, bỏ Tiểu đi vào Đại, từ quyền mà đi tới Thật. Từ nhân đến quả, tiết nào cũng đều nói về sự phá ác, sinh thiện. Giải thích đầy đủ như hai mươi lăm Hữu đều được quả báo, nhân hoa. Cỏ nhỏ, cỏ trung, cỏ đại; cây nhỏ, cây lớn một thật sự phương tiện, thật báo mười phen lợi ích mới cùng tận cái tướng diệu âm giải thích bị cho chúng sinh được xuất ra từ cái trống vàng. Nếu nói đủ thì như Diệu Huyền và Thỉnh quán âm số.

Kế là “Từ một v.v...” trở xuống là nói về giáo mới gọi là pháp sám hối, như sau:

- Chia văn, có hai:

Một chính là chia văn kinh.

Hai là trình bày ý sinh khởi “Tà đảo che chướng lý”: đối với thân của quả khổ mà khởi tám hình thái điên đảo để che chướng bốn đức: Đây là nói về chướng của quả báo, hai thứ dưới dễ nhận biết. “Bạc Thánh v.v...” trở xuống là y theo ở trên, Đức Phật Thích-ca tự trình bày rằng: “Nay ta nên giảng về pháp Sám hối v.v...”. Nay nói “Bạc Thánh” tức là chỉ cho Bốn sự, giúp cho đạt được ba thứ chướng chính là ba đức, là chỉ bày về sự nêu bày chung của sám hối. Ba câu cuối là chỉ bày riêng, là chỉ bày rằng báo chướng thuộc về đạo, lý chính là pháp thân; chỉ bày rằng nhân quả phiền não chính là Bát-nhã, ba thứ quán là nhân, ba trí là quả; chỉ bày hạnh lành kết nghiệp tức là giải thoát, “Phải nguyện chỉ quy”: dùng nguyện để dắt dẫn hạnh đến rốt ráo.

Kế là “Tự sám v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, gồm có:

- Dạy về tự nói tội lỗi sám hối, có hai:

Một là chia văn.

Hai là “phù, pháp v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có:

Một là nói về pháp thân là nơi y cứ. Vì hợp với sự tu nên chỉ gọi là pháp thân. Nhưng, vì tánh vốn thường lìa nên có ba đức. Ba đức này rất tôn quý nên còn gọi là Tam bảo. Pháp gọi là Bất giác, Phật gọi là Giác. Vì thể tánh của vắng lặng - chiếu soi này vốn sẵn đủ các pháp nên hiện hữu ở tất cả mọi nơi của tu đức. Dùng nghĩa hòa này gọi đó là Tăng. Tuy phàm phu, Tiểu thừa mê tối nhưng toàn bộ thể tánh chính Là. Vì

vậy, tức là Bồ-tát thuộc Sơ, Trung và Hậu tâm của Viên giác đều lấy pháp thân làm chỗ quy hướng, làm cội gốc. Nếu cội gốc ấy đã lập thì ba thứ trí, ba thứ thân, ba thứ giải thoát, tất cả đạo pháp đều sinh khởi một cách tự nhiên. Kinh nói: “Ta là bình đẳng”. Tánh đức của chúng sinh hoàn toàn là quả Phật, ngã thuộc về chân như.

Hai là “Trong vốn v.v...” trở xuống là thỉnh Phật che chở, bảo vệ. “Sự tôn quý của hai việc đầy đủ trong kinh”. Đại kinh nói về hai sự giải thích trong mười hiệu.

Một là y theo đường lành thuộc người, trời thì phước trí đầy đủ là quý hơn Phật, bậc tôn quý trong người, trời.

Hai là y theo sự đầy đủ về Phước và Tuệ mà còn gọi là “Đầy đủ cả hai”. Ở đây cũng như khoảnh khắc. Phù sơ tức là thịnh vượng. Phong là sum suê. Thuyết văn nói: “Phù sơ tức là cành và lá bủa ra bốn hướng”.

- Chính là nói về sám hối, có hai:

Một là chia văn.

Hai là giải thích nghĩa, lại có:

Một là nói rõ chung về sám hối:

“Sám riêng...” trở xuống là nói riêng về sám hối, có hai:

Một là chia văn.

Hai là giải thích nghĩa, như sau.

- Sám hối phiền não chướng, gồm có:

- Giải thích văn, có ba:

Một là giải thích: “Không biết được mười Lực của chư Phật”:

1. Thị xứ phi xứ lực.
2. Nghiệp lực.
3. Định lực.
4. Căn lực.
5. Dục lực.
6. Tánh lực.
7. Chí xứ đạo lực.
8. Túc mạng lực.
9. mắt Trời lực.
10. Lậu tận lực.

Mười loại này gọi chung là lực: Tức là dụng của trí như thật do chư Phật thông đạt được tất cả, hoàn toàn rõ ràng; Vì không có gì phá hoại được, không gì hơn được nên gọi là Lực. Đại Bồ-tát cũng đạt được từng phần đối với lực này, nhưng vì so với Phật thì kém hơn nên không

gọi ngay tên mà gọi Đức Phật là Thập Lực. Mười lực ấy, Phật thuộc Pháp thân vốn sẵn có, Phật thuộc báo chứng đức và Phật Ứng dụng nó. Toàn thể sắc tâm, y chánh và nhân quả của chúng sinh tức là ba Phật, mười lực. Chỉ vì chúng sinh mê tối nên toàn bộ trí là hoặc, gọi là Phiền não chướng mà Độc đầu Vô minh là hạt giống của phiền não. Vì xúc xứ mà không rõ biết được Pháp thân nên dụ cho mắt của trâu, dê, chim sẻ, không biết thiên tử và tượng gỗ. Vì không liễu ngộ được nên ba tế, sáu thô khởi lên mạnh mẽ. Nói “tượng gỗ” tức là kết đất và gỗ mà làm tượng Phật; nhưng người thì biết kính sợ, còn chim sẻ thì không. hoặc dẫn các đế của chánh cung chu lễ, chẳng đúng ý ở đây.

Hai là giải thích về ân đức của cha mẹ, kinh Tịnh Danh nói: “Khéo léo quyền biến là cha của phương tiện, Trí độ là mẹ của Bồ-tát. Tất cả các bậc Đạo sư đều từ đó mà sinh ra”. Vì không rõ biết được sự tương ứng của Độc đầu hoàn toàn là hai thứ trí, nên Pháp ẩn diệt bất sinh.

Ba là giải thích không hiểu được pháp lành, các điều lành giúp đạo có thể hoàn thiện Ứng thân, vì không hiểu được nên không tu.

Kế là “Ba vị Phật..” trở xuống là kết thúc sự chỉ bày, là nêu lên sự không biết, không hiểu để làm sáng tỏ sự hiểu biết, sự biết hôm nay là sám hối mâu nhiệm.

Kế là “Tự cậy v.v...” trở xuống là sám hối báo chướng, gồm có:

Một là y theo sự để giải thích về họ. “Ngạo nghề người khác”: Tức là dùng sang ngạo với hèn. Họ Sát-đế-lợi, Bà-la-môn ở Ấn Độ là sang. Họ Tỳ-xá, Thu-đà là hèn. Hai phần khác rất dễ hiểu. Hai thứ thiện báo này nếu buông thả thì chướng ngại đối với việc tu đạo, nếu không buông thả thì sẽ giúp cho đạo.

Hai là nay lại y theo Pháp để giải thích, có hai:

Một là y theo ba học: Tức là dùng ba thứ sự để biểu thị cho ba học. Nhờ tuệ mà đạt đạo nên như sự tôn quý của họ. Vì định bồi bổ cho tuệ nên như tài bảo. Vì Giới chế phục sai phạm nên như năm tháng sung mãn. “Nhiệm điều ấy v.v...” trở xuống là tướng của Chướng. Đại luận chép: “Vì Pháp của tự thân ái nhiệm nên chê bai pháp của người khác. Tuy có trì giới cấm nhưng vẫn không thoát khỏi sự đau khổ của địa ngục”. “Không cầu Pháp: Pháp vượt hẳn Niết-bàn mà còn hoàn toàn như huyền thì vì lẽ nào lại dùng pháp nhiệm của tự thân để khinh mạn người khác? Không thấy ta và người mới gọi là cầu pháp.

Hai là “Pháp Hoa v.v...” trở xuống y theo ba loại giáo: trong ba ví dụ ấy lại dùng một loại dụ là “Năm tháng đầy đủ” mà bao gồm cả hai thứ giáo. “Cùng tử dọn phân” nên “biết kho tàng” trải qua dần dần ba

thứ mùi vị. Tâm hai bên mạnh đều gọi là thiếu niên, tráng niên. Phật ở Đạo hậu, rốt ráo vô vi mới gọi là già yếu. “người phàm v.v...” trở xuống là muốn nói về pháp tráng niên và lại nêu lên Tráng niên thuộc về Sự. Tạng giáo Nhị thừa, Thông giáo ba thừa, tuy Chiết và Thể khác nhau nhưng đều dùng cái mạnh của không để giày xéo cái yếu của Hữu. Tuy chia làm ba loại quán nhưng công duyên vào Vô lượng. Vì thế, cậy vào Pháp nhãn để dày xéo đối với Tuệ nhãn. Tất cả những trường hợp ấy đều gọi là sự buông lung lúc tuổi tác cường thịnh. Sự trải qua giáo lý của Chủng tánh và tài bảo cũng giống như vậy.

Kế là “Chấp chặt điều ấy v.v...” trở xuống là kết luận phải sám hối. “ba học ba giáo gọi là Báo chướng”: Loại tâm này thành tựu là do sự huân tập đời trước mà cảm sự hy vọng. Sau ở nhân so với trước là quả. Vì vậy, được gọi là ở nơi báo mà khởi xướng. Vì chướng nên phải sám hối.

Kế là “Theo tâm v.v...” trở xuống là sám hối nghiệp chướng, có ba:

Một là phần tiết kinh để chỉ bày về nghĩa, có hai: “Một...” trở xuống là tùy theo văn để giải thích khái lược về mười chín đoạn: Như số đã nêu “Cũng là dạy người khác”: Tức là chỉ cho sự gây ra nghiệp ác của miệng. Nghĩa là tự mình gây ra điều sai lầm, đồng thời lại xúi giục người khác thường làm tất cả điều ác. Đã tùy theo tâm ngu si thì lẽ nào lại soi chiếu trở lại được? Kinh Tâm Sinh Phần Nộ, câu năm dục thì giận người khác không cho. Có năm dục thì giận vì người khác chiếm đoạt. Phần tức là nộ. Kinh nói: “Gần gũi người chẳng phải bậc Thánh thì gọi là ngoại đạo”. Vì ngoại đạo tự cho mình là bậc Thánh nên đệ tử Phật chỉ ra đó là chẳng phải Thánh. Keo kiệt tức là tiếc lẫn tiền của, ghen ghét tức là ganh tỵ với người Hiền. Nay đối trá nói là gian xảo, ma mị gọi là dua nịnh. Nói “ruộng kính Đời không có Phật” vì Bích-chi-phật ra đời lúc không có Phật. Vì Bồ-tát nhiều kiếp không câu thúc ở hình tướng, tùy căn cơ mà giáo hóa chúng sinh lúc đời không có Phật “Ruộng ân đức”: Ruộng có ba thứ. Tam bảo gọi là Ruộng tôn kính, cha mẹ gọi là Ruộng ân đức, nghèo cùng gọi là Ruộng từ bi. Sở dĩ gọi chung là ruộng bởi tất cả đều có thể gieo trồng phước đức. Về “Kiêu mạn”, Câu-xá nói: “Mạn là nêu lên đối với tâm người, kiêu là do pháp nhiệm của “bản thân”.

Tiếp theo là “Tạo nghiệp v.v...” trở xuống xuống là chỉ bày sự giải thoát để giải thích pháp: Y theo sự vâng thuận giáo lý của nay thì người là Thi. Nếu đối tượng được sám hối phần nhiều thuộc bốn đường

thì nghiệp được gây ra bởi hoặc thuộc Thông gọi là nghiệp hữu lậu, nghiệp được tạo ra bởi hoặc thuộc biện gọi là nghiệp vô lậu, nghiệp của các thứ Đại Bi không thể suy nghĩ bàn luận v.v... Vì vậy, Bồ-tát Đẳng giác lại đều phải sám hối.

Kế là từ “Ta v.v...” trở xuống là nói về sự cúng dường chư Phật, có hai:

Một lập ý chia văn.

Hai là y cứ theo văn để giải thích nghĩa, có hai:

Một là nói về sự cúng dường thuộc tiền của. “Nay ta v.v...” tức là nói về sự cúng dường tiền của của ngay nơi Pháp. Vì sao? Vì trong tâm tam thiên đại thiên thế giới có có trăm ngàn ức vị Phật, hướng chi là chư Phật của Vô lượng vô biên Đại thiên. Nếu tiền của có hạn thì làm sao có thể cúng dường khắp nơi được. Bởi vì, do rõ biết được thể của vật cúng dường được cung phụng ấy là Pháp giới, sinh ra vô tận, mỗi vật đều hiện khắp mọi nơi. Vì vậy, trước tất cả cõi nước, tất cả các Đức Phật đều có sự cúng dường vượt ngoài sáu trần, chẳng những là hiện hữu rộng khắp mà chúng còn tồn tại mãi (để) làm Phật sự cho đến tận Vị lai. Vì nói pháp môn tu hành của đoạn tiếp theo nên ở đây gọi riêng là cúng dường tiền của. Chúng ta phải biết rằng thể của hai thứ cúng dường vốn tương tức. Nhưng vì sự khác nhau của pháp môn nên chia làm hai.

Hai là cúng dường Pháp, có hai:

Một là chia văn lập ý: Giáo hóa người thì dùng từ. Đó là Vô dyên từ không lia ba thứ trí. Tự hành thuận trí, đã là trí của Phật thì lẽ nào lại lia ba loại từ? Vì giúp cho người học dễ hiểu hơn nên nói theo tương đối. “Pháp cúng dường (là) bậc nhất”: Bởi nó thường làm cho tuổi thọ của Đức Phật thường trụ, không dứt mất, biến hóa kỳ diệu vô cùng. Lại nữa, nếu có Pháp thì hai thứ cúng dường đều được thành tựu. Nếu không có Pháp thì sự cúng dường tiền của cũng bị phế bỏ. Do đó, sự cúng dường Pháp được gọi là vượt hơn.

Hai là y theo văn để giải thích nghĩa, có hai:

Một là nói về việc giáo hóa người khác cúng dường Pháp, như sau:

- Giáo hóa người khác khiến họ tu hành, có hai:

Một là chia văn.

Hai là giải thích về nghĩa, có bốn.

Một là “ta nên v.v...” trở xuống là nói khởi đầu sự giáo hóa lấy đại bi để nhổ bỏ gốc đau khổ.

Hai là “Ta nên đặt v.v...” trở xuống là khuyến khích công hạnh của Thập địa thuộc nhân chân chính.

Ba là “đã được v.v...” trở xuống là khuyến khích Bồ-đề đại giác thuộc quả chân chính.

Bốn là “Làm một v.v...” trở xuống là khuyên tinh tấn, đốc suất khiến cho thành tựu công hạnh.

Kế là “chúng v.v...” trở xuống,

Một là Giáo nghĩa.

Hai là Quán hạnh. “Một niệm tâm”: Tức là nêu lên một niệm, dùng ba phép quán siêu việt điều phục làm cho vọng tức là chân gọi là ánh sáng của chân phát khởi, hoặc là đến Sơ trụ, hoặc là đến sáu căn, hoặc thành năm phẩm, tất cả đều được gọi là thành quả chân thật. Cho nên nghĩa của Chỉ quán làm lệ có cả ví dụ của đạo, cây. Quán cảnh của ấm v.v... thành không thể suy nghĩ bàn luận gọi là sinh mầm. Từ Sơ phẩm trở lên đều gọi là sinh ra quả. Trên kia tu chỉ quán sinh ra mầm, quả và ánh sáng của Chân, quả chân thật thuộc quán tâm có sự tương ứng giữa Dụ và Pháp ở đây. “Điều phục tất cả v.v...”: Tức là quán của một tâm thành trải đi khắp tự nhiên hỗn hợp. Ý của chúng cũng giống nhau.

Kế là “Tiếp đến, bốn v.v....” trở xuống là giáo hóa người, giúp cho họ sám hối, có hai:

Một là Lập ý chia văn.

Hai là y cứ văn để giải thích nghĩa, có ba:

Một là Muốn nói về Sám.

Hai là “ngàn Thích v.v...” trở xuống chính là nói: Lúc thiệp nhập đã nhiều thì gây tội lại càng nặng. Nếu rõ biết rằng tội thuộc Nghịch tức là Kim Quang Minh (thì) toàn bộ đối tượng có đầy đủ lý là Chủ thể quán quán sát. Do đó mà hiển bày ra kim v.v... thuộc về Pháp tánh gọi là nhổ bỏ tai nạn của vua. Chương chuyển thành đức thì có tội gì để trôi buộc được? Vì thế năm tội Vô gián đều là tướng của giải thoát. Đó gọi là “Chính thức nói cho nghe về sám.

Ba là “nay ta v.v...” trở xuống là đã nói xong về sám.

Kế là từ “Ta v.v...” trở xuống là nói về việc tự hành sự cúng dường Pháp, có hai:

Một là chia văn lập ý: trước là từ “Hạ vấn”, “Thì như” v.v... trở xuống là đáp là dùng thí dụ kèm theo pháp để trả lời. Thợ kim hoàn dụ cho Trống Vàng, tức là hóa chủ Thích-ca. “Mới tập” thì lúc bắt đầu phát Tăng na. Đầu trắng dụ cho quả nay sau thị hiện. Từ khởi đầu

cho đến nay chưa lúc nào tạm bỏ việc nói về hạnh, về sám. “Thieu đốt nhau” dụ cho nói về Hạnh ngay nơi sám. “Đánh nhau” dụ cho nói về Sám ngay nơi Hạnh. Trí và Đoạn cũng giống như vậy. “Đồ dùng thành tựu” dụ cho căn cơ của một phen. Vì từ nhân đạt được quả nên chưa đạt được quả. Phải tính đếm sự thieu đốt và đánh thì cần gì phải chê bai nói lại. “Nay là v.v...” trở xuống là giải thích về khác: Tuy tính đếm sự thieu và đánh nhưng mỗi ví dụ đều có pháp môn của nó.

Hai là “Ta nên v.v...” trở xuống là y theo văn để giải thích nghĩa, như sau:

- Tự mình tu hành, gồm:

Một là nêu chương.

Hai là “chân báu v.v...” trở xuống là tu nhân. “Cảng chân”: số có hai cách giải.

Một là dùng Thập địa làm cảng chân của quả.

Hai là dùng Thập độ làm cảng chân của Thập địa. Nói Thập độ là ngoài sáu độ ra còn giải thích thêm Phương tiện, Nguyện, Lực và Trí. “Đối với (Các độ) còn lại v.v... trở xuống là giải thích sự đưa ra mười độ là ý của đất, chân: Phẩm Thập Địa trong kinh Hoa Nghiêm nói đầy đủ về tướng trong ba quả v.v... trở xuống là nói về sự thành tựu quả: “Chỉ câu đầu của kinh là chung. Ba hàng, ba câu là riêng. Công đức là sự trang nghiêm của phước. Quang Minh là sự trang nghiêm của trí. Cho nên không lìa ánh sáng của sắc mà nói về ánh sáng của Trí là vì Sắc và Tâm của chúng hoàn toàn chẳng phải hai. “Trong ba hàng, số không giải thích”: Nay lược nêu để giúp cho người học khỏi xem xét, tìm kiếm trong pháp tạng. Vì phải nói về tám vạn bốn ngàn đều là Bí mật, nên gọi là công đức sâu xa. “Đó là sự thành tựu do sáu độ, muôn hạnh”: Nói khái lược là muôn ngàn đức hạnh. Nói chi tiết thì là Vô lượng. Nhất-thiết-chủng-trí tức là Trí của Trung đạo, trung thì chiếu soi cả hai. Ba thứ trí của nay là cùng cực tròn đầy. Thiền tức là đạt Thiền. Vì đạt được căn bản đều là pháp giới. Định tức là Lăng-nghiêm. Hai thứ gồm Bản tánh, Tướng mạnh mẽ là hai thứ định thuộc sự và lý của Đại thừa. Vì đối với tất cả các pháp đều trong sáng yên lặng nên nêu chung là trăm, ngàn.

Căn là năm Căn, Lực là năm lực. Tức là Tín, Tấn, Niệm, Định và Tuệ.

Năm Pháp này có năng lực sinh ra tất cả các pháp lành nên gọi là căn (rễ). Cố gắng càn quét năm thứ chướng; tức là dùng năm Căn để che ngăn năm thứ Nghi, biếng nhác, tà loạn và Si này nên gọi là lực.

Năm lực này giống với danh xưng của năm căn ở trên nhưng dụng thì khác nhau.

Giác là bảy giác phần.

1. Trạch pháp giác phần.
2. Tinh tấn.
3. Hỷ.
4. Trừ.
5. Xả.
6. Định.
7. Niệm.

Bảy pháp này thường giúp cho định tuệ được quân bình, nên gọi chung là giác phần là vì có phần đi đến sự giác trí của quả cùng cực. Đạo là tám Chánh đạo.

1. Chánh kiến.
2. Chánh tư duy.
3. Chánh ngữ.
4. Chánh nghiệp.
5. Chánh mạng.
6. Chánh tinh tấn.
7. Chánh niệm.
8. Chánh định.

Vì tám pháp này lìa Thiên tà, đi chung đến Niết-bàn nên gọi là Chánh đạo. Tuy tu tập về đạo phẩm của căn v.v... là đại nhân nhưng chứng đắc là đều ở quả đức.

Đà-la-ni, Hán dịch là Ngăn giữ. Ngăn tất cả các pháp ác và giữ tất cả các pháp lành. Xét về số thì có thể là năm trăm, tám vạn bốn ngàn v.v... tất cả để biểu thị cho sự dứt bỏ Phiền não. Nếu nói về phương tiện chân thật của chúng thì tất cả Pháp đều có năng lực Ngăn giữ.

Mười Lực thì như phần ghi ở trước đây đã nêu. Đây là tướng trước sau của tự tu hành.

Tiếp là “từ các v.v...” trở xuống là sự tu tập sám hối, có hai:

Một là chia vãn.

Hai là giải thích nghĩa, có hai:

Một là thỉnh Phật.

Hai là “Mười ở sau v.v...” trở xuống là nói về sám, như sau:

- Chia vãn, có hai:

- “Trăm kiếp v.v...” trở xuống là giải thích về nghĩa, có năm.

- Sám Báo chương, có hai:

Một là nêu ra tướng của Báo chướng. Trăm kiếp làm các thân, thân gây ra các tội ác. Ác làm nhân duyên sinh ra sự lo buồn và đau khổ. Chủ thể sinh và đối tượng được sinh đều là Báo chướng. Vì Báo được năm ấm của điều ác. Vì vậy, Số và kinh đối với năm ấm, đã đều gọi là ấm thì sao lại chẳng phải là Báo? Phải hiểu rõ rằng năm ấm tạo tác các điều ác mới gọi là Báo chướng. Nếu làm các điều lành thì lẽ nào lại gọi là Chướng?

Hai là “Mười phương v.v...” trở xuống là xin trừ dứt ác: “Nguyện Đức Phật nhận sự sám hối” tức là trừ diệt. Nếu không dùng Trợ và chính giúp đỡ và dẫn dắt thì dù Đức Phật có sức đi nữa cũng không làm sao trừ chướng được. Vì biết được ý nên số không giải thích lại.

Hai là sám phiền não chướng, có hai:

Một là chia văn.

Hai là Giải thích nghĩa, có hai:

Một là nêu ra tướng. Nghiệp bản: Nghiệp gọi là động tác. Tâm phiền não động thành ra cấu nhiễm. Cũng có thể vì phiền não sinh ra từ nghiệp nên gọi là cấu bản của nghiệp.

Hai là “Cúi mong v.v...” trở xuống là xin sự thanh tịnh.

Nước Đại Bi: Bi thuộc Đồng thể gọi là Đại. Loại Bi này làm nước thì tẩy sạch tất cả. Tuy rằng bi là đồng thể, nhưng nếu chẳng có duyên thì không khởi. Ba thứ sám làm duyên, không tẩy mà tẩy.

Kế là sám hối nghiệp chướng, có hai:

Một là chia văn.

Hai là tùy thích, lại có:

Một là nói theo chiều dọc về sự tạo nghiệp của ba đời.

Hai là đối với quả báo để chỉ bày: “Sắc tâm hiện tại gọi là Chánh thọ”: Lúc chưa thành quả báo thì có (loại) thuộc chủ thể. Nếu tu tập các thứ thiện, thiền, vô lậu đạo thì báo của kiếp sau hiện ra các nghiệp tướng, hoặc kín đáo làm chướng. Nếu không y theo ba thứ sám Pháp của Đại thừa thì loại chướng ấy không bị trừ diệt.

Tiếp là lập ra câu hỏi để giải thích, có hai:

Một là lập chưa có trả lời.

Hai là nói về sự phủ nhận để khởi lên lời đáp, có ba:

Một là giảng kinh luận để chứng minh: Nhà chuyên về số là Tỳ-bà-sa. Nhà chuyên về luận là thành thật. “Ngăn ngừa vị lai”: Tức là dứt trừ tâm nối nhau. Nếu không ngăn ngừa, dứt trừ thì chắc chắn sẽ khởi lên thời ở thời vị lai. Vì vậy, trong sám tội của Phẩm trừ sạch nghiệp chướng ở bản kinh mới y theo Bồ-tát ở khắp ba đời mà đều nói rằng:

“Tội đã làm, nguyện được trừ diệt. Không dám làm điều ác ở đời vị lai”. Đó là đồng thời ngăn ngừa ở vị lai.

Hai là “Nay lại v.v...” trở xuống là dẫn việc hiện tại để làm lệ chung: Tại gia làm lệ có cả lúc tạo tội. Từ bỏ gia đình làm lệ có cả lúc tu tập sám hối. Nếu không ngăn ngừa và dứt trừ thì dứt khoát không có chuyện phải thay đổi lại, đến nơi chính thức có.

Ba là “Vị lai v.v...” trở xuống là y theo nghĩa để kết thúc sự trả lời. Hết giống như giải tán.

Kế là nói về sinh khởi mười điều ác một cách ngang trái.

Kế là “xa lìa v.v...” trở xuống là sám hối nghiệp quá khứ. Nếu mười điều ác, mười điều lành chỉ y theo ba đường, người và trời để giải thích thì lẽ nào lại đặt mười trụ ngang với mười lực? Nếu đạt được ý của Trì và Phạm thuộc năm giới ở trước thì nghĩa của nay có thể hiểu được nghĩa của nay. Hai giáo lý là Biệt và Viên có thể làm rõ về mười trụ và mười lực. Nghĩa của trì và Phạm nghĩa của nay rất dễ hiểu. Vì vậy, từ giai đoạn nhân đến quả về sau, mỗi tiết mỗi luận về mười điều ác và mười điều lành.

Kế là nói về hồi hướng: Đây là sám hối tội mê đắm nhân quả. (Chỗ) khác lấy cõi nước này và các thế giới khác làm nơi chốn của pháp lành để người của cả năm thừa tu tập. Vì y theo nơi chốn để nói về Người nên Đại sư nói là “Tùy hỷ”. Nay nói về điều lành do ta ở cõi này và thế giới khác tu tập. Nay, tất cả đều nhiếp lấy hồi hướng chúng sinh chứng đạo Vô thượng. Tiếng dụ cho các điều lành. Cái sừng dụ cho sự hồi hướng. Xa gần đều biết được. “Phương tiện lực rộng lớn”: Nếu khéo hồi hướng thì thành đại phương tiện, công đức của nó ngang bằng với hư không. Nhưng, nếu chẳng hiểu rằng Thiệt tức là Pháp giới thì chẳng được coi là Hồi hướng.

Kế là “Giải thích về tám v.v...” trở xuống là sám hối hai nạn là thiện và ác, như sau:

- Trình bày về sự chia văn. Một bài rưỡi tiếp theo là số giải thích về nghĩa của việc chính thức dùng điều lành để ngăn cản đạo, có hai:

Một là “Bốn v.v...” trở xuống là giải thích.

Hai là tùy theo văn giải thích nghĩa, có hai:

Một là chỉ ác là nạn: Đầu tiên là văn giải thích về hiểm nạn của các Hữu.

Hai mươi lăm hữu: Vì bốn đường và Bốn châu, sáu tầng trời cõi Dục, Đại phạn, Tứ thiên, Vô tướng báo, Tứ không xứ Na-hàm; Vì tất cả đều chưa dứt bật lậu nghiệp nên gọi là Hữu. Phần giải thích về nghĩa

của Báo chương đã nói đầy đủ ở bản sơ trước.

Kế là giải thích về hiểm nạn của sinh tử: Nghiệp là hiểm nạn cho đến loại định Phi phi tướng. Báo là hiểm nạn cho đến cõi trời Hữu đảnh. Uất-đầu-lam-phát là điển hình của các hiểm nạn ấy. Hiểm nạn của nghiệp báo ở dưới rất dễ hiểu.

Kế là Giải thích về hiểm nạn của tâm dục.

Kế tiếp là Giải thích về hiểm nạn của khinh suất, thô tháo, có hai:

Một chính là nêu bày tướng trạng của khinh suất, thô tháo: Tức là, Sơ tâm là ở duyên gọi là Giác. Tế tâm phân biệt gọi là Quán; Cả hai cũng đều là tâm Tầm Tứ. Vì là tâm của ám nên thuộc về pháp của Báo.

Hai là “Như Lai v.v...” trở xuống là dẫn Thánh Phạm làm điển hình, có hai:

Một là Thánh: “Ra khỏi quán”: tức là ra khỏi Định. Vì y theo Vô học để giải thích về sự không có hoặc nghiệp nên suy, nghiệm là thuộc pháp của Báo.

Hai là Lại nêu kẻ hạ phạm là “Hồi chuyển, đổi vết”: Như học kinh chưa thuộc mà lại muốn học luật, học luật chưa xong mà lại muốn học Luận. Người vụt chạc, thô tháo ấy rốt cục không thể thành tựu được công nghiệp. “Không thành nghiệp chương”. Chương nên làm là bởi sự sai lầm của chữ.

Kế là giải thích về nạn của việc gần bạn ác. “Như đời nhà Xí. Xí, âm là nhà cứu ngựa. Tức là nơi nhóm họp của ngựa. Phó pháp tạng truyện nói: “Gần gũi bậc Hiền thiện, lắng nghe chánh pháp: Như thưở xưa ở nước Hoa Thị có một con voi trắng, sức lực mạnh mẽ. Nếu có người tội thì bảo voi đâm chết. Sau đó, cái chuồng bị lửa thiêu cháy nên con voi trắng ấy được dời đến chỗ gần một Tịnh xá. Ở đó, có một vị Tỳ-kheo tụng kinh Pháp cú. Có câu kệ: “Làm điều lành thì sinh lên cõi trời. Làm điều ác thì rơi xuống vực sâu”. Voi trắng nghe câu ấy nên tâm trở nên nhu hòa. Sau đó, lúc xưa đến người tội thì nó không giết mà chỉ ngửi và liếm thôi. Vua gọi các quan có trí hiểu biết đến để bàn về sự việc ấy. Một vị tâu với vua rằng “vì con voi này được buộc gần Tịnh xá. Tất nhiên, nó được nghe pháp mầu, nên mới xảy ra sự việc như vậy. Nay, nếu chúng ta buộc nó ở gần nơi giết mổ thì vì nhìn thấy sự giết hại nên tâm ác của nó sẽ bùng dậy”. Vua liền sai buộc voi ở nơi lò mổ. Con voi thấy cảnh giết chặt nên ác tâm bùng lên dữ dội và càng tàn hại hơn trước”. “Gần nơi khóc lóc, buồn bán”: tức là ở nghĩa trang thì bắt

chước tiếng khóc, ở gần chợ thì học buôn bán. Kinh Thái thị hóa thanh nói: “Hàng hóa tức là thay đổi”. Vì dễ biến hóa”. Vì thế, chữ ấy có chữ Hóa. Lại gọi là Tài, Sử ký nói: “Mẹ của Mạnh Kha đến ở gần nơi có mộ. Mạnh Kha thường than thở ở chỗ mộ. Bà mẹ nói: “Đây không phải là chỗ để con ta ở”. Và liền dời đến ở bên cạnh chợ. Mạnh Kha lại lấy việc buôn bán làm trò chơi. Bà mẹ lại nói: “Nơi này con ta không thể ở”. Nói rồi bà lại dời đến ở bên cạnh trường học. Mạnh Kha liền tới lui có lễ phép. Bà mẹ nói: “Đây quả thật là nơi con ta ở”. Sau này, Mạnh Kha trở thành một bậc Đại nho, có soạn bảy thiên sách.

Kế là giải thích về hiểm nạn của ba độc. Sơ chia khoa nói rằng: “tám nạn Thiện ác, thiện nói có bốn nạn” kinh sơ rất dễ hiểu. Nay, đối với hiểm nạn của ác, dường như kinh nêu cả bảy. Y theo đâu mà nói là bốn? Vì y theo nghĩa của ba thứ chướng có cả “gồm” và “chỉ một”. Một “gồm” ba, “Một mình” tức là thành ra bốn nạn. Vì sao? Vì hiểm nạn thuộc sáu đường, hiểm nạn của ba hữu và hiểm nạn của hời hợt, thô tháo. Ba loại này tuy là ba nạn nhưng chỉ ở tại Báo chướng. Hiểm nạn của dâm dục, ngu si và ba độc, chỉ thuộc phiền não. Hiểm nạn thuộc về gần bạn ác chỉ thuộc nghiệp chướng. Nếu đối với hiểm nạn sinh tử thì sơ có hai cách giải thích. Vì thế bao gồm cả nghiệp báo nên nghĩa của nghiệp ác trong ba loại chướng tương xứng với bốn thứ hiểm nạn. Nhưng, chúng ta phải hiểu rõ rằng ác là Tánh ác. Vì vậy, loại ác này tức là quán vô sinh. Sám hối như vậy là tiêu trừ các nạn một cách hoàn toàn và tức khắc.

Tiếp là “Gặp không v.v...” là chỉ thiện mà gọi là nạn, như sau:

- Nói Thiện và ác đều có thể là hiểm nạn, có hai:

Một là đồng thời nói về hai nghĩa.

Hai là “Gặp không v.v...” trở xuống là y theo Thiện để giải thích về văn bản, có bốn:

Một là giải thích về hiểm nạn của sự gặp không.

Hai là Nhị thừa ra khỏi nhà đến chỗ không sợ hãi. Vì tướng của không nạn nên nêu lên làm lệ chung. Tạm vui với người, trời mà tự cho là không có nạn là đều nằm trong phạm vi của loại hiểm nạn này.

Kế là giải thích về nạn của sự tu tập công đức. “Như nhất v.v...”: Đại Luận quyển tám nói: “Thử Đức Phật Ca-diếp ra đời có hai anh em xuất gia cầu đạo. Một người chuyên giữ giới, tụng kinh và ngồi thiền. Một người cầu tất cả các Đàn-việt tu tập các phước nghiệp. Đến lúc Đức Phật Thích-ca ra đời thì một người sinh vào gia đình Trưởng giả, một người đọa làm con voi trắng cố gắng phá giặc.

Người sinh làm con của vị Trưởng giả xuất gia học đạo và chứng được quả A-la-hán, có sáu thứ thần thông. Nhưng do phước mỏng nên lúc khát thực lại khó có được vật phẩm. Ngày khác, lúc ôm bát đi vào thành khát thực, nhưng đều không được gì. Vị ấy đi đến chỗ chuồng giữ voi thì thấy Vua cúng dường cho con voi đủ loại thức ăn.

Vị ấy liền bảo voi rằng: “Ta và người đều có tội cả”.

Con voi cảm động nên bỏ ăn ba ngày.

Người giữ voi sợ quá nên đi tìm vị đạo nhân ấy. Lúc tìm thấy, ông ta hỏi rằng: “Ngài làm phù phép gì khiến con voi trắng của vua bị bệnh mà không ăn uống như vậy?”

Vị ấy đáp: “Con voi ấy là thân trước của con ta. Cả ta và nó đều xuất gia học đạo vào thời Đức Phật Ca-diếp. Ta chỉ giữ giới, tụng kinh và ngồi thiền chứ không thực hành hạnh bố thí. Do em ta chỉ tìm các Đàn-việt để làm các việc bố thí nên nay có dư dả các thức ăn món uống. Vì ta chỉ hành đạo mà không tu hạnh bố thí nên nay tuy đắc đạo nhưng khát thực lại không được gì”.

“Diệu trang nghiêm”: Pháp Hoa sơ nói: “Thuở xưa, vào thời Mạt pháp của Phật có bốn vị Tỳ-kheo vô cùng kính trọng kinh Pháp Hoa, họ xem kinh ấy như Cam lồ chưa được thấm nhuần.

Do đó, bốn vị Tỳ-kheo ấy liền giao hẹn với nhau vào núi để tu đạo. Vì ở trong núi lâu ngày nên thức ăn và áo quần bị cạn kiệt.

Một vị nói: “Ba huynh chỉ nên dốc toàn bộ mạng sống của mình cho đạo, chứ không nên nghĩ gì vào buổi sáng. Tôi xả bỏ sức khỏe của thân để cung cấp cho ba huynh những điều cần thiết”.

Ba người được hoàn thành công nghiệp. Một người do bao phen lợi vào nhân gian, gặp lúc vua xa giá, nên yêu thích sự vinh hoa của vua. Nhờ công đức huân tu nên được sinh lên làm người, trời và thường được làm vua.

Ba vị kia bàn nhau rằng: “Sở dĩ chúng ta thoát được lao ngục là do công của vua. (Vì) vua đấm đuối quả báo nên nuôi lớn pháp Hữu vi, do đó mới chìm trong hầm lửa. Chúng ta nên khai báo với vua”.

Một người nói: “Vị vua ấy đã dính mắc vào dục lại có tà kiến nữa. Nếu không có lưỡi câu ái thì không thể nào nhổ bỏ được!” Một người làm người vợ xinh đẹp. Hai người làm hai đứa con thông minh. Lời nói của con và vợ thì chắc chắn vua sẽ nghe theo. Nếu chúng ta mở rộng sự giáo hóa thì chắc chắn vị vua ấy sẽ sử đổi tà kiến”. Vợ tức là Bồ-tát Diệu Âm, hai con tức Dục vương và Dục thượng, vua tức là Hoa Đức.

Ba là giải thích về hiểm nạn của sự gặp lúc tốt. Như kiếp sơ, người ở Diêm-phù sống lâu tám vạn bốn ngàn tuổi, người ở Bắc châu sống lâu một ngàn tuổi. Tất cả đều vì sống lâu, hưởng thọ an vui nên không tu đạo.

Uất-đơn-việt, Hán dịch là Thù Thắng. Vì hơn hẳn các châu khác.

Bốn là giải thích việc gặp Phật cũng khó. Kinh Hưng Khởi Hạnh nói: “Đồng nữ Đa Thiệt độn chày gỗ vào bụng, đến trước mặt ta mà nói: “Tại sao Sa-môn không tự nói về việc nhà mà lại nói chuyện khác. Nay người tự mình hưởng an vui mà không biết gì về nỗi khổ của tôi? Trước đây, người đã thông đồng để làm tôi có thai. Nay đã gần đến lúc sinh nở. Đúng ra, người phải chu cấp dầu bơ để nuôi dưỡng đứa bé và thường xuyên chu cấp cho tôi”.

Thiên đế hóa thành con chuột chun vào trong áo đồng nữ cắn dây buộc làm cho cái chày gỗ rớt xuống đất. Lúc ấy, đất nứt ra, thân hiện tại của Chiên-già đọa vào ngục A tỳ v.v...”.

Phẩm Ca-diếp trong kinh Niết-bàn có nói rằng Thiện Tinh là đệ tử Phật, khi Phật là một vị Bồ-tát. Sau khi xuất gia thọ trì và giảng nói mười hai bộ kinh, ông ấy phá bỏ kiết sử cõi cõi Dục, đạt được bốn Thiền. Nhưng, vì gần gũi bạn ác nên lui sụt Tứ thiền và sinh tà kiến xấu ác. Ông ấy nói rằng không có Phật, không có Pháp, không có Niết-bàn. Thấy Phật đi từ xa đến là sinh tâm ác tà. Do đó mà bị rơi vào địa ngục A-tỳ. Điều-đạt là em chú bác với Đức Phật mà lại tự gây ra ba điều nghịch là làm cho thân Phật chảy máu, phá hoại Tăng xoay bánh xe pháp và giết hại A-la-hán. Xúi giục vua A-xà-thế giết cha và gây thêm hành vi giết mẹ. Lại dùng tâm ác tẩm thuốc độc dưới móng tay muốn cào chân, chích chân Phật để hại Phật. Lúc sắp đi đến Kỳ sơn, vừa ra khỏi thành thì đất nứt ra, ông ấy rơi vào địa ngục Nê-lê lúc đang còn sống. Hai trường hợp ấy là gặp Phật mà thành đại nạn. Nhưng thể của ba câu trên là thiện thuộc hữu lậu. Vì chúng chướng ngại đối với việc tu tập vô lậu nên gọi là nạn. Câu này là gây ra tội nghịch nên dường như không cùng loại với câu trên. Đoạn gây tội nghịch ở đây dường như không cùng loại với ở trên. Nhưng, gặp được Tam bảo được gọi là điều thiện cao nhất, vì nghịch nào mà thành ra nạn? Do đó, nó cũng là điển hình cho ý nghĩa điều thiện ngăn chướng Thánh đạo ở trên.

Kế là “Nếu đọc v.v...” trở xuống là nói về cách đọc văn của hai thanh là Bình và Khứ, như sau:

Một là nói về chữ đọc có cả Bình.

Hai là “Lại y cứ v.v...” trở xuống là y theo kinh thì thuộc khứ.

Ba là “Từ các.. “ trở xuống là xưng tán, có hai:

Một là lập ý chia văn.

Hai là loại cúng dường để so sánh với Thân và Ý. Vì đã không nói cho nhau nên chưa tiết lộ. Vì ba nghiệp không đủ nên chưa hoàn bị. Nay vì thêm khẩu nghiệp, đã sáng tỏ mà lại đủ nên thành thứ lớp. Trước tuy tự tha tu hạnh tu sám, nhưng vì bồi bổ cho tuổi thọ của Phật nên gọi là pháp môn cúng dường. Nay tuy khen ngợi ba thân Phật nhưng do có thể thành tựu pháp quán của hành giả nên gọi là pháp môn niệm Phật. Tuy pháp có đủ lẫn nhau nhưng tăng hơn nên lập ra hai pháp môn.

Kế là “Nêu các v.v...” trở xuống là tùy theo văn để giải thích nghĩa, lại có:

Một là nêu lời khen.

Hai là loại tu tập của Báo, Ứng là sự của toàn bộ Lý. Một tánh của Pháp thân là Lý của toàn bộ Sự. Phật nào ở mười phương và ba đời cũng có ba thân. Nếu nêu chương như vậy thì có gì mà không được xếp vào. “Ta y chỉ”. Đã nói Pháp tánh một Thể mà ba thứ Phật thì chúng ta suy nghiệm để biết rằng vị Phật khác là Phật của tâm tánh. Đây là y theo Bốn giác mà sinh khởi Thi giác và cũng là ba đế phát khởi ở ba loại trí. Nếu không có sự y chỉ này thì pháp sám hối vượt ngoài không thành tựu. Vì vậy, hàng sơ tâm của viên gọi là tu tập hạnh Phật. Bốn thứ mất nhập vào Phật nhãn v.v... là văn trong Đại Luận. Mười loại trí và Như trí, tổng cộng là mười một loại trí. Mười loại trí thì có cả Nhị thừa, chỉ có Như trí là chỉ Phật mới có.

Mười trí:

1. Pháp trí.
2. Tỷ thí.
3. Tha trí.
4. Thế trí.
5. Khổ trí.
6. Tập trí.
7. Diệt trí.
8. Đạo trí.
9. Tận trí.
10. Vô sinh trí.

“Như vật ném, v.v...”: Thạch mật rất ngọt, nước biển rất mặn. Vật ném xuống nước thì liền mất mùi vị. Thế pháp tức là tánh, không (vật) gì không vượt hơn. Lẽ nào lại không quy kính đối với biển Phật này?

Kế là “Y theo chính v.v...” trở xuống chính là khen, có hai:

Một là chia vãn.

Hai là “lược khen v.v...” trở xuống là tùy văn giải thích, như sau:

- Gửi lời hoan hỷ, có hai:
- Lược khen, lược so sánh, có hai:
- Giải thích về lược khen, có hai:
- Tương mạo của sắc vàng, có hai:

Một là dùng kim loại khác để so sánh với màu: “Vàng Diêm-phù”: Đó là tên của con sông ở Ấn Độ. Sông ấy nằm gần cây Diêm-phù. Loại vàng này sinh ra từ con sông kia. Con sông ấy do cây mà gọi tên. Vàng do sông mà có tên.

Hai là “Lại nữa, Phật v.v...” trở xuống là lấy sự chiếu sáng đồ vật mà làm sáng tỏ về ánh sáng.

Kế là “sông, vàng v.v...” trở xuống là khen ngợi lý do của Vàng, có hai:

Một là nói “là chỗ y cứ của chúng”.

Hai là “Vàng có v.v...” trở xuống là nói về ví dụ bốn đức.

Kế là “Cũng giống như v.v....” trở xuống là giải thích sự so sánh khác lược.

Kế là khen ngợi đầy đủ, so sánh đầy đủ, lại có:

- Khen ngợi đầy đủ, có hai:

Một là chia vãn.

Hai là “Từ kỳ v.v...” trở xuống là tùy văn giải thích: Ngôn từ thì khen ngợi sắc của Ứng nhưng ý lại làm sáng tỏ Pháp và Báo. Sắc tướng là bên ngoài. Trí chứng là bên trong. Tuy chia ra ngoài và trong nhưng lẽ nào lại khác thể? Vì vậy, bốn đức nói trong bản mới dịch thuộc về ba thân. Tức là, Pháp thân có Thường và Ngã, Ứng thân có Tịnh, Hóa thân có Lạc, Tròn đầy từng phần riêng biệt. Dung nhiếp biệt là Viên. Vì vậy, ba thân của Viên, thân nào cũng có bốn đức. “Được ý của chúng”: là hiểu bốn đức của Ứng của nay tức là bốn đức của Pháp và Báo. Người học nên lấy ý ấy để suy tìm kinh và số. Văn gồm có bốn:

Một là khen ngợi đức của Ngã.

Hai là Từ “thiện v.v....” trở xuống là khen ngợi đức của Tịnh.

Ba là từ “Công v.v...” trở xuống là khen ngợi đức của Thường; kinh “Vòi vọi”: là đáng vẻ cao lớn. Pha-lê: Hán dịch là Thủy vương.

Bốn là Từ “Ba v.v...” trở xuống là khen đức của Lạc. Lạc (nước ngập) âm là lão. Tức là nước chảy. “cúi đầu”, Thuyết văn, nói là cúi đầu. Thủ tức là đầu. Khổng An Quốc nói: “Khể thủ tức là đầu (sát) đất.

Kế là từ như “như v.v...” trở xuống là tùy văn giải thích, có hai:

Một là chia văn.

Hai là công đức của Phật trở xuống là tùy văn giải thích, có hai:

Một là so sánh đầy đủ: Bốn câu này là dụ cho sự nêu lên bốn Đức Phật ở trước. Đại sư giải thích về vấn đề này có khi dụ cho Ứng thân có hạn lượng và vô hạn lượng, hoặc dụ cho bốn đế, bốn đức của Pháp và Báo. Trong huyền văn tự làm sáng tỏ rằng Phật của Kim Quang Minh là không thể dụ được. Bởi vì ba và một của ba thứ thân là tự tại. Vì vậy, bốn ví dụ có khi là riêng ở tại một, có lúc làm sáng tỏ chung về ba. Văn ở đây thật sự giống với sự so sánh về bốn đức ở ở trước. Vì biển không thêm bớt nên là Thường. Thể của đất là Tịnh. Hình thể của núi cao trội như Ngã. Vì hư không chẳng có sự ngăn ngại nên gọi là Lạc.

Kế là hợp ví dụ.

Kế là từ “Một v.v...” trở xuống là dứt bật sự khen và lời nói, có hai:

Một là chia văn.

Hai là “Tất cả v.v...” trở xuống là tùy văn giải thích, có hai:

Một chính là dứt bật lời khen.

Hai là “Lại điệp v.v...” trở xuống là điệp dụ thiếp hợp.

Hỏi: Số giải thích gửi lời và dứt bật lời đều rời bỏ sự suy nghĩ, nói năng. Như thế là giống hay khác?

Đáp: Tính chất bí mật của bốn đức vốn lìa bỏ sự bám níu của tâm. Nay, sở dĩ khen ngợi là vì muốn làm cho chúng sinh đi vào tạng bí mật. Vì thế, gửi lời hay dứt bật lời đều làm sáng tỏ đặc tính lìa niệm. Gửi lời thì dùng bốn thứ để dụ cho bốn đức. Dụ đã không có số thì tức là làm sáng tỏ đức vốn mất sự bám níu. Bốn thứ ở trong dứt bật ngôn ngữ không thể dùng làm ví dụ cũng là làm sáng tỏ bốn đức mất sự bám níu, suy nghĩ. Vì Đại sư thấu đạt sâu đối với ý chỉ mẫu nhiệm của văn kinh nên giải thích cả hai đoạn văn đều dứt bật suy nghĩ và nói năng.

Kế là Từ “Tướng v.v...” trở xuống là tổng kết.

Kế là Từ “Ngã v.v...” trở xuống là nói về phát nguyện, có hai:

Một là Lập ý chia văn: “Như trâu không người cầm cương”: Tức là mục đồng. Đã lập nguyện thì dẫu nhiều hay ít cũng không được đánh mất ý của bốn thế nguyện rộng lớn. Nhưng bốn thế nguyện rộng lớn này phải y theo bốn đế. Nguyện mà không y theo Đế thì gọi là nguyện suông. Nay nói theo Viên thì y theo Đế thuộc Vô tác nên tuy là hai thứ nhân quả thế gian và xuất thế gian nhưng đều rõ biết được “Chính là Tánh (thì) không có khổ để để độ, không có Tập để để dứt, không có

Đạo để để tu và không có Diệt để để chứng. Được như vậy thì sẽ độ khắp, đoạn tận, tu trọn và chứng diệu. So với sự chưa thoát khỏi tình trạng nguyện rộng thuộc ba giáo trước (thì) tiêu giải các nguyện của nay. Nếu không đánh mất ý nghĩa ấy thì chẳng phải là hành giả của Viên.

Kế là tùy văn giải thích về nghĩa, lại có:

- Nói về Phát nguyện, có hai:

- Tự phát nguyện, có hai:

- Quả của nguyện viên mãn, có bốn:

Một là “Ta dùng v.v....” trở xuống là ý luân của nguyện viên mãn: Vì bậc Đại giác tròn sáng nên thuộc ý nghiệp.

Hai là “giảng nói v.v...” trở xuống là viên mãn khẩu luân.

Ba là “Xô dẹp v.v...” trở xuống là viên mãn Thân luân. ấmsử, thiền tử phần nhiều y theo Thân. Phiền não thuộc về ý. Nay y theo phần nhiều.

Bốn là “Trụ tuổi thọ v.v....” là viên mãn nguyện từ bi. Nếu chẳng phải là Từ thuộc Vô duyên thì không thể trụ tuổi thọ được như vậy. Hai nhân của nguyện viên mãn, có hai:

Một là chia văn.

Hai là tùy văn giải nghĩa, gồm có:

Một là “Ta nên.. “ trở xuống là nguyện công đức hữu vi tròn đầy: thành tựu sáu độ, đây là y theo nhân chân chính phá sáu màn che. Từ Đoạn mà chính thức luận. Vì là trí đức nên gọi là Hữu Vi.

Hai là “dứt trừ các v.v...” trở xuống là nguyện công đức vô vi tròn đầy. Đây là y theo sự hiện Ứng thân để điều phục chúng sinh trong chín đường của chân vị; Tự nhiên không tương ưng với khổ của hoặc và khổ. Vì đó là Đức dứt nên gọi là vô vi. Vì vậy, Pháp sư Hải Đông nói: “Thử giác dứt trừ chướng. Đó là sự dứt trừ của thật sự dứt trừ. Bốn giác dứt trừ chướng là sự dứt trừ của không dứt trừ? Nghĩa của Pháp sự giống với nghĩa hai đức của Trí giác của nhà chú thích ngày nay.

Ba là “Ngã v.v...” là nguyện tức mạng, nghĩ nhớ đến Phật tròn đầy. Nhớ về giáo (lý) tức mạng, thấy Phật quá khứ đồng thời cũng nhớ chánh pháp do các Đức Phật giảng nói. Xa lìa điều ác, tu tập điều lành, thành nhân của Trí và Đoạn.

Kế là vì người khác mà phát nguyện, có hai:

Một là chia văn.

Hai là “Tất cả v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có hai: Một nguyện làm vua thuốc để nhổ gốc khổ.

Kế là nguyện làm vua Châu ngọc để cho niềm vui. Chủ thể nhỏ và chủ thể cho này là vô duyên từ bi. Đối tượng được nhỏ, đối tượng được cho phải nói về mười phen; đó là quả báo tu nhân, Thanh văn, Bích-chi, bốn giáo, Bồ-tát, phương tiện và Thật độ. Nay, vua cây thuốc nhỏ mười gốc khổ của hành giả. Vua châu ngọc cho hành giả mười thứ vui. Người học nên dùng ý ấy để tiêu giải văn nói về cho và nhỏ. Đầu tiên tự chia làm bốn.

Một là nhỏ chung các thứ khổ.

Hai là “Nếu phạm v.v...” trở xuống là nhỏ gốc khổ thiếu căn.

Ba là “mười phương v.v...” là nhỏ gốc khổ của bệnh.

Bốn là “nếu phạm v.v...” trở xuống là nhỏ gốc khổ bị nạn của vua.

Tiếp theo là cho niềm vui, có hai:

Một là chia văn.

Hai là “Văn trên v.v...” trở xuống là tùy văn giải thích, lại có:

Một là cho quả niềm vui của thế gian. Trải qua sự Cổ xúy xưa nay chú thích là cây sáo ngắn. Ưu-bát-la, Hán dịch là màu đen xanh. Tức là hoa sen xanh. “Thường vào ba thời”: Ba thời thuộc ban ngày.

Hai là Từ “Nguyện v.v...” trở xuống là cho nhân niềm vui xuất thế, có hai:

Một là chia văn.

Hai là “Duyên của người v.v...” trở xuống là tùy văn giải thích, như sau:

- Khiến tu hành có đủ duyên ngoại, có hai:

Một là gặp Tam bảo.

Hai là lìa tám nạn.

Kế là khiến tu hành có đủ nội nhân, có hai:

Một là chia văn.

Hai là “Nhân thuộc người v.v...” trở xuống là tùy thích, có hai:

Một là sinh vào nơi tôn quý.

Hai là nhiều tài bảo.

- Năm sự ngăn ngại:

1. Không làm Phạm vương.

2. Không làm Đế Thích.

3. Không làm Luân vương.

4. Không làm Ma vương.

5. Không được làm Phật.

Kế là từ “nếu v.v...” trở xuống là kết thành, có hai:

Một là chia vãn.

Hai là giải thích kinh, có hai:

Một là kết về tự.

Hai là kết về tha.

Kế là từ “Nếu (điều) đó...” Trở xuống là y theo nguyện tùy hỷ, có hai:

Một là chia vãn.

Hai là giải thích kinh, có hai:

Một là tùy hỷ (người) khác.

Hai là Tùy hỷ tự (thân).

Kế là từ “Nếu có v.v....” trở xuống là kết thành, có hai:

Một là chia vãn.

Hai là giải thích kinh, có ba:

Một là kết thành về dứt trừ ác.

Hai là “Các điều lành...” trở xuống là kết thành sự sinh ra điều lành.

Ba là “không phải ở v.v....” trở xuống là kết thúc việc gặp được Phật.

Kế là giải thích về phẩm Tán Thán, như sau:

- Giải thích tựa đề, có hai:

- Y theo nghĩa để giải thích chung, có hai:

- Chỉ bày về ý của bốn Tất-đàn, có hai:

Một là nêu.

Hai là giải thích: Gồm:

Một là thế giới: “Suy nghĩ tuổi thọ của Phật”: Tức là kinh trước nói: “Vì suy nghĩ như thế nên tâm sinh ra sự nghi ngờ”. “Một lòng tin hiểu”: Tức là sự khai ngộ. Tức là điều mà kinh nói rằng: “Tín Tướng nghe bốn vị Phật đó giảng nói về tuổi thọ nên tâm tin hiểu sâu xa”. “Người ấy”: Tức là Tín Tướng. “Bổn sự”: Việc làm của hôm nay đều do lời nguyện thưở xưa. Nay vì chúng sinh hoan hỷ nên thuộc về thế giới.

Hai là từ “Thân người v.v...”.

Ba là từ “Diệt v.v...” trở xuống là Đối trị, càng (nhiều) tội: Vưu là (càng) tức là vô cùng, rất. Do đức thù thắng, ân nặng nên sự phá hủy tội là rất nhiều. Sự phá hủy của miệng gọi là Thê. Cũng gọi là mắng. Bốn, từ “Số v.v...” trở xuống là Độ-nhất-nghĩa. Nói rằng chư Phật vô cùng tôn quý, sâu xa vô lượng là vì: từ Sơ trụ trở lên của Viên thì lấy pháp tánh bao gồm thể tướng của thân. Diệu giác thì hoàn toàn lấy Pháp tánh sâu rộng làm Thể tướng của thân. Vì vậy, luận Thư Khởi tín nói: “Thân

của chư Phật, Như Lai đều là pháp thân trí tướng”. Đệ-nhất-nghĩa để vốn lia bỏ sự tạo tác thi vi. Nay sở dĩ xưng tán thân ấy là vì muốn cho người tu đi vào Lý.

Kế là “Nếu muốn v.v...” trở xuống là giải thích danh từ khen ngợi, có hai:

Một là chia chữ, giải thích nghĩa, cũng phân biệt lẫn nhau. Lấy việc nói lại đức làm khen ngợi. Áo dụ là Thán, chỉ khiến tự nói, tay áo xứng với nghĩa thành, đối chữ không hiện hữu.

Hai là dẫn luận chứng thành. Sự khen ngợi kia chứng minh cho ví dụ của áo. Hai là “Phẩm này v.v...” trở xuống là kết thúc sự chỉ bày về làm sáng tỏ riêng: Tuy có ba nghiệp nhưng khẩu nghiệp là chính. Vì thế gọi là làm sáng tỏ riêng.

Kế là kết thúc (phần) này... “trở xuống là y theo bốn Tất-đàn để làm sáng tỏ riêng: Bốn nghĩa chỉ cho người v.v... thuộc về chủ thể khen ngợi. “Phẩm này...” trở xuống là nói về sáng tỏ riêng. Trong bốn Tất-đàn chính là ở sinh thiện. Vì đối với Phẩm sám ở trước chính là dứt ác.

Kế là giải thích văn.

Một là chia văn.

Hai là tùy vào để giải thích, lại có:

- Văn xuôi, có hai:

- Giải thích, về đối trị là nói với người, có hai:

Một là y theo sự giải thích đối trị: kinh Thụy Ứng nói: “Phật bảo với Ma vương. Ta nhờ tích lũy công đức nên nay được thành Phật” Ma nói: “Chứa nhóm công đức ai làm chứng”. Lúc ấy, Đức Phật chỉ tay xuống đất nói: Người ấy biết ta. “Người ấy” là chỉ cho Thần đất. Lúc ấy, Thần đất vọt lên làm chứng.

Hai là “Lại nữa, đối v.v...” trở xuống là y theo vì người mà giải thích. Giữa hư không trở lên đều là trời nam. Nửa hư không trở xuống đều là trời nữ. Sở dĩ quả báo quý thần gọi là trời vì có lực dụng tự nhiên nên lấy trời để khen ngợi. Mời gọi quý thần đến lấy trời mà gọi, không chỉ có (tên) đó. Thật ra trí là căn bản của pháp lành. Nay khen ngợi người giác ngộ sinh Thật trí của người nên bảo với người thiện nữ. Lại nữa, vì tên khác là Kiên Lao nên chứng minh việc đã qua. Xứng lý nghĩa là không hoại v.v...

Kế là giải thích về Kim Long Tôn là pháp y cứ cho pháp môn Kim Quang Minh. Kim Quang Tôn khế hợp với hạnh, nào là pháp, nào là hạnh, tất cả đều là Tánh một, tu hai. Cho nên Kim là lý, chủ thể khen ngợi là Long (rồng). Vì thường làm lợi ích nên là Tôn. Nay vì chứng lý

nên khởi hai sự tu của dụng mà đối với một tánh. Đương thể gọi là Kim Long Tôn.

Kế là kệ tụng, có hai:

Một là chia văn.

Hai là tùy văn giải thích, lại có:

- Khen Phật ba đời, có năm:

- Tán chung, có ba:

Một là y theo sự lý để nói chung về ba đời. Cảnh quả tâm ý thức thuộc mười phương gọi là sự. Làm gì có một sự nào không hiện khởi từ lý? Kinh nói: “Vãng lạng là nghĩa Niết-bàn, gọi là mâu nhiệm, là đại diệt độ. Như vậy làm sáng tỏ ba đức chẳng phải dọc, chẳng phải ngang, gọi là kho bí mật. kho bí mật hiện hữu tròn đầy, không riêng thời gian hoặc không gian. Thời gian và không gian tự nhiên đều là ba đức. Chẳng dùng hai tướng mà thấy cội nước của chư Phật là nói cho trường hợp này phải chăng? Không có mâu nhiệm hơn sự khen chung này.

Kế là “Lý chung v.v...” trở xuống là y theo ba pháp để nói rõ chung: “Pháp thân”: Tức là nói tánh (Vốn) một. “Báo Ứng”: là nói về Tu (vốn là) hai. Toàn tu ở tại tánh, hợp ba mà làm Báo, hợp ba mà làm Ứng. Cho nên gọi là Báo Ứng chung. Tất cả ba pháp đều như vậy. Lại nữa, Pháp thân bao gồm ba vùng đất. Vì thật báo v.v... đều là Tịch quang. Báo thân bao gồm hai vùng đất. Vì phương tiện, đồng cư nhìn thấy thân Đặc tôn. Ứng thân gồm hai nơi Đồng cư là Tịnh và Uế. Vì Phạm phu và Nhị thừa thấy sinh thân. Nếu phân biệt thì đặc tính Thắng và Liệt của ba thân và vùng đất không lẫn lộn. Nếu xét theo quan điểm dung nhiếp thì đặc tính nghiêng lệch, hạn cuộc của ba thân, ba vùng đất cùng thu nhiếp lẫn nhau. Dùng đặc tính dung nhiếp để khen ngợi Phật thì không bỏ sót đức của Phật.

Kế là “Như vậy v.v...” trở xuống là y theo bốn đức để nói chung: kinh nói: “Chư Phật thanh tịnh”. Đó là đứng về mặt quả để làm sáng tỏ về đức. Trong quả, các đức đều nhóm hợp. Nêu một đức tịnh đều có cả Thường, Lạc và Ngã; bốn đức đều tròn đầy, mâu nhiệm. Nếu một là thâm nhiếp tất cả. Vì vậy, bốn đức này là đức của ba thân. Vì ba thân dung nhiếp nhau nên bốn đức trang nghiêm khắp nơi. Do đó mà ba thân đều là bốn đức. Chung (như) thế là khen ngợi cùng cực Thể và Dụng của Phật. Nay vì chỉ bày cho nên chú rằng v.v...”.

Kế là Từ “sắc v.v...” trở xuống là khen riêng, lại có:

- Chia văn lập nghĩa, có hai:

Một là chia văn. “Tướng lớn” tức là chỉ cho ba mươi hai tướng.

“Tướng nhỏ” là nói về tám mươi tướng đẹp phụ. “Đều gọi là biển”. Vì dù là lớn hay nhỏ đều chẳng có bờ mé, đều là sự hiển hiện của toàn thể Pháp giới. Vì vậy, mỗi tướng đều là biển pháp. Y theo khen chung sự thanh tịnh mầu nhiệm của chư Phật vắng lặng, dùng chung bày riêng, mỗi tướng tốt đều là kho bí mật. Vì Đại sư thấy được chỗ đặc ý kia nên khi giải thích về tướng tốt đều lập ra danh từ “biển”.

Hai là “Sở dĩ v.v...” trở xuống là lập nghĩa, có hai:

Một là nói về trí khéo léo của chủ thể khen ngợi.

Hai là “Phù v.v...” trở xuống là nói về đức sâu xa của đối tượng được khen, có hai:

Một là Qua các loại giáo để phân biệt.

Hai là y theo đặc tính dung nhiếp, chính là của Viên: người học nên biết rõ về hai ý ấy. Bao gồm lời văn sâu kín của kinh luận. Lập ra hướng đi sâu của Giáo quán. Làm sáng tỏ về sự không lẫn lộn của Hóa tích. Bày rõ sự chiếu soi tức khắc và toàn diện của căn cơ thuộc Viên. Vì sao? Vì phân biệt nên từ Thắng mà chỉ bày riêng. Vì dung tức cho nên xúc cảnh (là) thấu khắp. Đạt được sau sau thì sẽ được trước trước. Đạt được trước, trước sẽ được sau sau. Vì không biết sau thì nghĩa của đang phân thành tự. Vì biết được trước nên nghĩa của khóa tiết được sáng tỏ. Nếu hiểu được trong chân cảm ứng, hai thực thấy Phật thì sự thâm nhận chọn lựa của hai ý này đều không sót. Về “Hai thức”, luận Khởi Tín nói: “Dụng của Phật có hai thứ.

Một là y theo thức phân biệt sự: thân do phàm phu, Nhị thừa thấy được gọi là Ứng. Vì chẳng biết rằng đó là thân do chuyển thức hiện ra nên thấy từ bên ngoài đến. Vì chấp đắm phần hạn của sắc, không thể biết đến chỗ cùng tận.

Hai là y theo Nghiệp thức: thân thấy được do tâm của Bồ-tát sơ phát ý cho đến Bồ-tát địa rốt ráo gọi là Báo; Thân có vô lượng sắc, sắc có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp quý. Quả thuộc về đối tượng trụ, đối tượng y cứ cũng vô lượng. Đủ trong trang nghiêm tùy theo đối tượng được chỉ bày. Tức là không có Hữu biên, không thể cùng tận. Lìa tướng phần hạn, tùy theo cái được Ứng mà thường trụ trì, không bị hủy hoại, không mất đi. Nói tóm lại, tất cả đều là cái được thành tựu trong sự huân tập của công hạnh vô lậu thuộc các Ba-la-mật và sự huân tập của không thể suy nghĩ bàn luận. Tướng của sự thọ nhận an vui ấy gọi là Báo thân”. Đó tức là Như Lai dùng dụng của Pháp giới để thuận theo hai thức là sự nghiệp của chúng sinh mà hiện ra Ứng Thân và Báo thân. Ứng thân là sinh thân theo cách gọi ngày nay. Báo thân là thân

tôn đặc và pháp tánh theo cách gọi ngày nay. Người y theo sự thức thì chỉ thấy Ứng thân mà không thấy hóa thân. Vì thức ấy cạn thấp, không vươn đến chỗ sâu xa tận cùng. Người y theo Nghiệp thức thì thấy Báo thân mà cũng có thể thấy cả Ứng thân. Vì biết Chân như sinh khởi hai thứ dụng. Hành giả nên biết hai điều ấy. Dụng của Chân như hiển hiện thân tướng Phật, đại khái có ba phẩm:

Một là Như kinh Hoa Nghiêm nói về số của tướng quý có mười vi trần thế giới Liên hoa tạng.

Hai là Như kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói về tám vạn bốn ngàn tướng quý, sáng chói.

Ba là Như kinh này và Pháp Hoa, Bát-chu v.v... nói về ba mươi hai tướng quý và tám mươi tướng phụ. Tướng trong ba phẩm này đã là dụng của toàn thể Chân như, dù nhiều hay ít cũng đều không có bờ mé, giới hạn. Vì thế, tất cả các tướng đều được gọi là biển, đều là tôn đặc. Tuy nhiên cũng có thông và cuộc. Vì Tạng thì lập bày cả tám vạn, nhưng hạn cuộc ở cái thấy của nghiệp thức ba mươi hai tướng của thân (Phật) có cả cái thấy của sự thực gọi là Ứng. Nếu là cái thấy của Nghiệp thức thì tức là không có bờ mé, không thể cùng tận. Là tướng của phần hạn gọi là tôn đặc, thuộc về Báo thân. Điều đó như tướng được khen ngợi của kinh này đối với ba mươi hai. Vì Kim Long Tôn quy tụ về bốn đức mầu nhiệm, vắng lặng của Phật mà làm lời khen chung. Vì lấy chung để làm sáng tỏ riêng nên ba mươi hai tướng đều là Bí tạng. Do đó, mỗi tướng đều là phần hạn như sự vô biên của hư không, thường trụ và không hoại diệt. Số y theo đó mà giải thích đặc tính dung nhiếp. Chính là khen ngợi thân tôn đặc. Nếu không biết sự khen chung của Long tôn là y theo nghiệp thức mà thấy Ứng tức là Báo thì lẽ nào Viên quang một tâm của ba mươi hai tướng được gọi là tôn đặc ư? Nói “cảm ứng của đạo Chân, Trung” là bởi Như Lai hiện thân thuộc Ứng hóa, thị hiện trụ ở Thiên chân mà nói về sinh diệt và pháp Vô sinh để gia bị chớ căn cơ thuộc Tạng và Thông. Hiện thân tôn đặc trụ ở Trung đạo để giảng nói về Vô lượng và pháp vô tác mà che chở cho căn cơ thuộc Biệt và Viên. Vì vậy, Văn cú nói: “Phật thuộc thân một trượng sáu trụ ở Chân-đế. Phật của sự phối hợp hai thân là một trượng sáu và tôn đặc trụ cả ở Chân và Trung. Phật thuộc thân tôn đặc trụ ở cả Tục và Trung. Phật thuộc pháp thân trụ ở Trung đạo”. Bản số có sáu chỗ giải thích về Ứng hóa, tôn đặc, tất cả đều y theo Cảm Ứng ở trong của Chân và Trung mà phân biệt. Như sự khen ngợi Phật của Pháp Hoa. Văn kinh làm sáng tỏ rằng: “ba mươi hai tướng quý, tám mươi tướng phụ”. Vì pháp thân có đầy đủ.

Vì trang nghiêm Pháp thân. Đó là tướng thuộc tôn đặc. Bởi vậy, Đại sư Kinh Khê xếp cùng loại với Hoa Nghiêm, nghĩa là “Mỗi tướng quý ngang bằng với Hư không v.v...”. Lại nói: “Mỗi tướng đều là biển pháp giới. Mỗi một đặc tính quý đều gọi là Biển”. Sở giải thích văn nay rằng tướng lớn hoặc tướng nhỏ đều gọi là biển. Tướng lớn và nhỏ ở đây hoàn toàn khác với chín mươi bảy tên của Hoa Nghiêm. Mỗi tướng đều có sự khác nhau của danh mục ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp thuộc thứ lớp trong Pháp giới. Lại nữa, phẩm Sám Hối khen ngợi ba mươi hai tướng tướng, tám mươi vẻ đẹp của Phật. Vậy, lẽ nào sự khen ngợi thưở xưa của Long tôn và những lời khen ngợi do Trống Vàng của ngày nay lại có hơn, kém” vì thế, chúng ta biết rằng chỉ đứng trên lập trường cảm Ứng của Trung đạo, mà gọi là tôn Đặc chứ không phải là thêm số lượng của tướng quý mới gọi là tôn Đặc. Bởi vậy, trong Hoa Nghiêm, mười thứ thân của chúng sinh nghiệp báo v.v... đều là Lô-xá-na, Xá-na chẳng phải là Báo, lẽ nào Báo lại không phải tôn đặc? Nếu đánh mất ý nghĩa này thì đừng nên luận nghị về tông chỉ của ngày nay! Sinh thân của cha mẹ tức là thân một tướng sáu. Thân tôn đặc được cảm bởi hạng độn căn của ba tạng và Thông tức là quả báo của Tha thọ dụng. Thân pháp tánh được cảm bởi hạng lợi căn của Thông giáo và Biệt giáo là Pháp thân. Thân được cảm bởi hành giả của Viên là đại dụng của Pháp giới Như Lai. Vì đối với ba loại căn cơ mà hiện ra ba thân nên tướng thuộc chủ thể trang nghiêm cũng chia ra ba loại. Lực dụng của ba thân cũng có hơn kém khác nhau. Chẳng những chỉ thị hiện thân tướng thuộc phạm vi quả là khác nhau mà cũng thị hiện ba nhân thuộc phạm vi công hạnh khác nhau. Vì sự thấy Phật của ngày nay đều là căn cơ kết duyên lâu đời. Như thị hiện nhân của tích Luận về tướng của bốn thứ tu tập, hành sáu độ, v.v... “Chính là không”, hoặc ra tu tập thuộc phạm vi thứ lớp, hoặc sự tu tập thuộc phạm vi Viên đốn thị hiện sự tu không giống nhau nên làm cho sự kết duyên của các thứ căn cơ có khác nhau. Do vậy, hôm nay chiêu cảm và thấy ba thân không giống nhau.

Tiếp theo là “Ba thứ thân v.v...” trở xuống là giải thích riêng, lại có:

- Giải thích tướng của ba thân, có ba:

Một là Giải thích tướng của Sinh thân.

Lâm-vi-ni: Hán dịch là chỗ giải thoát. “Đưa tay vịn vào cây”: Tức là phu nhân Ma-da vịn vào cây Ưu-đàm mà sinh ra thái tử từ hông bên phải. A-di cũng gọi A-tư-đà. Hán dịch là Vô tỷ (không so sánh), là tên vị tiên, nghĩa là Mở ra. Sau khi Thái tử đã sinh được ba ngày đã lấy vải

chiên màu trắng làm y nội. Vua cho mời vị tiên đến xem tướng. Do vậy, vị tiên liền mở tấm vải Chiên để xem thân hình của Thái tử. “Tướng nào cũng rõ ràng”: Tức là nói ba mươi hai tướng hiển bày rõ ràng. “chắc chắn thành thật”: tức là lời vị tiên tâu lên vua. Ý nói rằng tuy Luân vương có ba mươi hai tướng nhưng tướng nào cũng không rõ ràng. Nay do thấy tướng nào của thái tử cũng rõ ràng nên chắc chắn sẽ thành Phật mà không làm Luân Vương. “Buồn không nói thành tiếng”: Tức là vì vị tiên tự than mình già cả, không thấy được ngày Thái tử thành Phật nên rơi nước mắt. Không tiếng mà nước mắt tự rơi gọi là khóc. Nay nói rằng: “Buồn không nói thành tiếng” tức là khóc. “Đó là sinh thân”: Tuy số nêu lên rằng “Sinh thân của cha mẹ phải hiểu ý nghĩa của nó”. Nhưng lẽ nào hai thân sau lại hoàn toàn không có cha mẹ? “Nay đặc biệt nói”: Tức là làm sáng tỏ vấn đề Đức Phật của Tạng và Thông trụ ở Thiên Chân. Vì lí của Thiên Chân không có năm ấm khiến cho thân Phật từ chánh tập tạo ra. Nếu cơ duyên hết thì sẽ thành tro tàn đoạn diệt, chìm đắm trong không, không bao giờ thị hiện. Do đó, lấy cha mẹ để làm sáng tỏ sự có sinh của thân, lấy sự kiện căn cơ hết trở về không để làm sáng tỏ sự có diệt của thân. Tuy rằng Thông là huyễn hữu nhưng cũng phải mãi mãi không. Nếu y theo giáo thì sự phân biệt về tướng trạng cũng giống như vậy.

Hai là “Như Thích v.v...” trở xuống là giải thích về tướng tôn đặc. “Vòi vọi”: Tức là cao. “Đường đường”: Tức là rạng rỡ. Sỡ dĩ nói Tôn sùng, kỳ đặc vì đó là thân do căn cơ Biệt và Viên nhìn thấy: “Thân thường hằng, ánh sáng thường hằng”: Tức là thân được thấy bởi phàm phu và Nhị thừa. Song người học nên biết rằng thân tướng cao và rạng rỡ có hai ý, có lúc phải hiện khởi, có lúc không hiện khởi gì cũng đều là do Như Lai quán sát năng lực của cơ tiến không có năng lực trung đạo mà đối với người phải hiện thì vì họ mà hiện. Như kinh Phạm Võng nói: “Mới ngồi đài hoa sen. Phô bày tướng Hoa Nghiêm”, “Thân nhờ Tu-di chiếu xuống biển lớn” do kinh Duy-ma nói “tám vạn tướng quý, thân là Vô biên” của kinh Quán Vô Lượng Thọ.

Các đoạn kinh ấy đều nói về sự hiện khởi của tướng tôn đặc. “Có khi không hiện khởi”: Tức là chỉ dùng năng lực để gia trì khiến cho thấy được tính chất không phần hạn nơi thân hèn kém; tạo ra dáng vòi vọi, sáng láng mà hiểu, dùng không thể suy nghĩ bàn luận mà quán. Điều ấy như sự khen ngợi về ba mươi hai tướng là thân pháp tánh của tôn đặc trong kinh này. Pháp Hoa dùng ba mươi hai tướng để trang nghiêm pháp thân, tướng nào cũng đều ngang với hư không v.v... các cơ duyên này

đều dùng nghiệp thức mà thấy, dùng trí của Trung mà quán. Liệt tức là vô biên, sắc tức là Tánh trí. Vì thế, không cần phải hiện khởi mà gọi là tôn đặc. Nếu không như vậy thì ba mươi hai tướng được Long Tôn khen ngợi, số nói rằng “dung nhiếp ba chính là khen ngợi tôn đặc” làm sao dung hội được? Đối với vấn đề này, người học nên khéo nắm bắt.

Ba là giải thoát về tướng của pháp tánh: Đây là thân trí tướng thuộc Đệ-nhất-nghĩa đế của chư Phật. Ngay tên gọi mà phạm phu và Nhị thừa còn không thấy thì lẽ nào lại thấy được tướng. Nếu nói về sự chứng đắc cùng cực thì Đẳng giác cũng không đạt đến chỗ cùng cực. Lại nữa, vì Sơ địa không biết được Nhị địa cho nên thân cây buồn khóc rơi nước mắt như mưa thỉnh Phật hiện thân chính là thân này. Đều có tên là chẳng phải Địa dưới nhìn thấy được. “Chỉ nên độ v.v...”: Đó là Đệ-nhất-nghĩa Tất-đàn của Đại Thừa “Cơ ứng hợp với Phật”: Tức là dùng thân này Ứng hiện để cho được thấy. Tức là số trước giải thích là “Nghĩa trong nhất thời? Nhất-thiết-chủng-trí và Nhất thời của Trung đế”. “Không có thân v.v...”. Tức là chẳng phải thân sắc chất, có ngăn ngại mà là thân mẫu nhiệm; chẳng phải tướng sai biệt là tướng của tịnh trí. Vì Nhất thiết trí là thủ lãnh của muôn ngàn hạnh nên lấy nó làm đầu. Vì Đệ-nhất-nghĩa là vượt hơn trong các pháp nên lấy nó làm Đỉnh kế. Tám vạn trần lao chuyển thành Pháp môn, số nhiều gọi là tóc. Đại bi làm mất, thấy khổ là nhỏ bỏ.

Sợi lông trắng Trung đạo không nghiêng lệnh, không ô nhiễm. Vô lậu là công đức ngửi mùi. Lưỡi mười tám hình thái không nếm khắp mùi vị của Lý. Bất cộng là rằng đều có bốn mươi cái. Đại luận dùng mười tám pháp Bất cộng, mười Lực, bốn Vô sở úy, đại Từ, đại Bi và ba Niệm xứ v.v... là bốn mươi; Vì tất cả đều không chung với các Địa dưới. Bốn thế nguyện rộng lớn là vai mang vác không ngừng. Chỉ và Tán của Tam-muội như eo cột áo. Tam-muội của Viên chỉ là ba quán, không tức là quán pháp của Không, Vô tướng tức là phép quán Giả, vì chẳng được tướng không, Vô nguyện tức là quán Trung, vì hai bên không tạo tác nguyện cầu. Như Lai tạng (là) bụng, vì ngậm chứa ba ngàn trí của quyền và thật (là) tay. Vì nhỏ bỏ (cho) tất cả chúng sinh Định tuệ v.v... (là) chân, vì bước trên mảnh đất Lý. Thân thứ ba của nay cùng với sự trình bày ở các chỗ khác chẳng phải là không có đôi chút khác nhau. Như bản số kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói: “Nghĩa của thân thuộc sắc tướng tương đương với sinh thân và Tha thọ dụng đồng là Ứng thân”.

Tiếp theo là thân của Pháp môn. Tức nghĩa của đủ loại pháp môn

tương đương với Báo thân do sự nêu lên của ngày nay, tức là Tự thọ dụng.

Kế là thân Phật tướng: Tức là dùng Lý được trang nghiêm bởi Pháp môn làm thân thứ ba. Nay thì phối hợp hai thân là Lý và Trí kia mà làm thân pháp tánh, mở bày Ứng thân mà làm sinh thân tôn đặc. Mở mang và phối hợp lẫn nhau nên ba thân không thiếu. Lại nên biết rằng đầu v.v... của thân pháp tánh nay là tướng được Long Tôn khen ngợi. Vì tâm chính là sắc, nên gọi là hai thân trước. Vì sắc tức là tâm nên gọi là Pháp môn. Nhưng nay qua các giáo, đứng trên lập trường phân biệt môn tùy theo cái thấy của căn cơ. Vì trước không thấy sau cho nên sau sau từ thù thắng mà đặt tên. Do đó khiến cho ba thân có tướng hơn và kém. Lại nữa, thân tôn đặc và Pháp tánh đều là cái thấy của nghiệp thức. Vì tướng tôn đặc bao gồm cả sự tu tập của biệt nên y cứ theo tính chất cao và sáng của thân tướng mà chỉ bày. Phật Pháp tánh của nay tức là ở tu mà làm sáng tỏ về tánh. Vì thế, ẩn sắc tướng theo Pháp môn (mà) nói, người giảng, người học nên hiểu rõ.

Kế là “Hai thứ v.v...” trở xuống là giải thích về nghiệp của ba tướng. Đây là theo lúc Như Lai làm thanh tịnh cõi nước Phật, tùy theo cơ duyên kia mà thị hiện sự tu tập không như nhau. Vì vậy mà chia ra làm ba loại:

Một là giải thích về nghiệp của sinh thân: Tuy thông với Thông giáo nhưng nay là ở tạng. Vì Thông giáo là pháp môn của Đại thừa. Vì hạng lợi căn thấy được hai Đức Phật sau. Nay y theo sự tu tập của tạng mà thực hành Độ thuộc về Sự là nhân của tướng tốt. Nói “Tu một trăm phước thành một tướng”: Luận có nhiều cách giải thích nhưng nay chỉ nói một cách. Chúng sinh thuộc Đại thiên gặp duyên lẽ ra phải chết nhưng tất cả đều được cứu sống, đó là một phước. Phước này đến một trăm mới thành một tướng. Đây là chỉ cho sự thành tựu Độ sự của chế phục hoặc. Khiến cho chúng sinh kia mô phỏng theo để tu tập, (nên) nay thấy được Sinh thân.

Hai là “nếu lấy không v.v...” trở xuống là giải thích về nghiệp của tôn đặc. Cho nên nói “Không tuệ” là vì tuệ của thể pháp, tức không là cái mà cả ba thứ giáo cùng tu tập, kể độn căn chỉ không hóa được Hữu, hạng lợi căn biết không chẳng những là không hóa cái hữu mà cũng có thể không hóa cả cái không. Nay, phân biệt môn nói về nghiệp tôn đặc, tuy có thể không hóa cả hai nhưng ở Biệt giáo. Tuệ của Đản Trung hướng dẫn nghiệp của các tướng. Các nghiệp không ra khỏi sáu độ ở trước. Vì biết về Trung nên không trang nghiêm mà trang nghiêm. Tức

là có khả năng trang nghiêm thể của Đệ-nhất-nghĩa khiến cho chúng sinh kia bắt chước theo đó mà tu tập, (nên) nay thấy thân tôn đặc không có phần hạn.

Ba là “Nếu dùng Thật v.v...” trở xuống là giải thích về nghiệp của Pháp tánh: “Thật tướng”: Tức là lý Trung đạo. Toàn bộ thật lý của Trung là Tuệ thuộc chủ thể quán sát. Cho nên gọi là tuệ của Thật tướng là vì Thật tướng tức là Tuệ, chứ chẳng phải có một thứ tuệ nào khác. Từ sự chiếu soi của tuệ mà có được tên gọi thật tướng. “Dẫn dắt thành các nghiệp”: lẽ nào các nghiệp lại lìa sáu độ ở trước. Vì tu tập tròn đầy, vì mỗi độ chính là tánh nên tất cả đều là Thật tướng. Vì thấu nhiếp tất cả nên đều là Pháp giới. Vì thế, Tán Chí nói: “An trụ trong tánh như của tất cả các pháp. Đối với tất cả Pháp (mà) ngậm chứa, thọ nhận tất cả Pháp”. Tu như vậy là dứt bật tình thức của ba giáo, gọi là nghiệp không thể suy nghĩ bàn luận. Vì khiến cho các loại chúng sinh kia bắt chước theo đó mà tu (nên) nay thấy Phật Pháp thân ngang bằng với tướng hư không.

Kế là “Ba thân v.v...” trở xuống là y theo dung nhiếp. Chính là của Viên, có ba:

Một là chính thật dụng nhiếp, Phật thuộc Viên đốn chứng được ba thân, ba tướng. Đồng thời cũng có thể chỉ bày tức khắc thấu suốt về ba tướng của tu tập. Nếu là căn cơ Viên giáo thì sẽ tu tập về nghiệp của ba tướng ở một niệm, có thể ba thân, ba tướng ở trong một thân. Vì hiểu được ba thân là Bí tạng nên sinh thân chắc chắn có đủ tôn đặc và Pháp tánh, tôn đặc chắc chắn có đủ Pháp tánh và sinh thân, Pháp tánh thì có đủ sinh thân và tôn đặc. Thấy thân đã như vậy thì việc tu nghiệp cũng giống như vậy. Được như vậy mới dứt trừ tình tướng của dọc ngang, một khác. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, mầu nhiệm và vắng lặng thì ý nghĩa đó mới thành tựu. Kim Long Tôn vương xưa là người tu tập theo Viên giáo nên đốn tu đốn thấy. Toàn triệt của Hành giả thuộc về Viên. Vì thế, ở trong một thân mà khen ngợi tướng của ba thân. Vì muốn làm sáng tỏ ba tướng là Bí tạng nên gửi lời để khen ngợi, sau đó lại dứt bật lời khen ngợi là vì muốn làm cho chúng sinh nhìn thấy và tu tập một cách Tròn đầy.

Hai là “Kinh nay v.v...” trở xuống là nói về sự khéo léo khen ngợi: Từ ngữ khen ngợi của kinh y theo ba mươi hai tướng tức là chỉ bày về sự dứt bật nói năng. Đó là làm sáng tỏ vấn đề chủ thể trang nghiêm tức là không trang nghiêm mà trang nghiêm, trang nghiêm thể của Đệ-nhất-nghĩa. Vậy, lẽ nào thân tướng tôn đặc lại không như vậy? Cũng có

thể nói rằng chẳng phải chúng sinh, chẳng phải pháp mà là chúng sinh mà là pháp. Trên thì bao gồm Pháp tánh. Dưới thì nhiếp sinh thân; ý của kinh này là ở đó. Đó tức là ý của sự khéo léo khen ngợi của Long Tôn.

Ba là “Mỗi một v.v...” trở xuống là giải thích về diệu dụng: Tuy y theo Viên thì ba tướng, ba nghiệp đều chính là nhau, nhưng do che chở cho chúng sinh mà thành khác nhau, trải qua sự phân biệt của Giáo mà chính là khác với dung nhiếp. Đầu tiên là tướng An bình, Sinh thân thì tiêu biểu, mà tà không lay động được. Mà tức là hoặc của ái, tà tức là hoặc của kiến. Đã trụ ở thiên chân thì hai thứ ma này không lay động được. Nếu là Phật tôn đặc trụ ở cả Tục và Trung thì tức là bốn đế thuộc phạm trù vô lượng. Vì vậy, phàm phu thì Hữu, Nhị thừa thì vô, hai hạng ấy không lay động được. Nếu là Phật Pháp tánh thì chỉ trụ trong Trung đạo nên đương xứ của tà ngoại, ba giáo và tất cả hai bên đều là trung; Có bên nào mà lay động được? Nhục kế của tối hậu gồm cả Vô kiến đảnh. Vì vậy, lấy sự không lẽ lay làm đối tượng được biểu thị. Nói “Pháp không lẽ lay” tức là nói Pháp nhĩ. Vì sinh thân ra khỏi hai thứ tà ái và Kiến nên tự nhiên không lay người phàm phu. Vì tôn đặc ra khỏi hai thứ trần sa của giới nội và giới ngoại nên tự nhiên không lẽ lay bậc chứng Trung đạo theo từng phần. Đầu tiên và cuối cùng đã vậy. Lẽ tất nhiên, nói về Duy của ba mươi hai tướng của Trung là rất dễ hiểu. Song, vấn đề không lẽ lay đối với phàm và thánh là bao gồm nhân mà nói chứ không chuyên nhất ở quả. Đại sư có đưa ra ý riêng và chú v.v... là chỉ cho các đoạn văn giải thích đầy đủ về tướng quý.

